

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1678/ĐHKH-ĐT
V/v đăng ký chỉ tiêu dự kiến
tuyển sinh NCS năm 2024

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2023

Kính gửi: Đại học Thái Nguyên

Thực hiện Công văn số 6064/ĐHTN-ĐT&QLNH ngày 11/12/2023 về việc đăng ký chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh NCS năm 2024 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Khoa học đã xây dựng đề án tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2024. Nhà trường báo cáo và đề nghị Đại học Thái Nguyên xem xét quyết định (có đề án kèm theo).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, ĐT (2). (1)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHO HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Thế Chính

ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2024
(Kèm theo công văn số 1678 /ĐHKH-ĐT, ngày 29/12/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

1. Thông tin chung về Trường Đại học Khoa học

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử

- Tên trường: Trường Đại học Khoa học thuộc Đại học Thái Nguyên
- Tên giao dịch quốc tế: Thai Nguyen University of Sciences
- Tên viết tắt tiếng Anh: TNUS
- Địa chỉ: Phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại: 0208.3903266
- Website: <http://www.tnus.edu.vn>
- Email: contact@tnus.edu.vn

- **Sứ mệnh:** Trường Đại học Khoa học thuộc Đại học Thái Nguyên là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước.

- **Tầm nhìn:** Trường Đại học Khoa học thuộc Đại học Thái Nguyên sẽ trở thành trường đại học đa ngành, chất lượng cao, có vị thế trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và quốc tế.

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường ĐHKH

1.2.1. Số lượng ngành đào tạo

Bảng 1. Ngành đào tạo và quy mô

TT	Tên ngành đào tạo	Mã số	Quy mô NCS (tính đến tháng 12/2023)
1	Hóa sinh học	9420116	01
2	Đại số & Lý thuyết số	9460104	0
3	Toán ứng dụng	9460112	06
4	Quang học	9440110	05
5	Hóa học	9440112	0
6	Quản lý tài nguyên và môi trường	9850101	03

1.2.2. Các kết quả nghiên cứu giai đoạn 2018-2023 như sau:

Bảng 2. Các kết quả nghiên cứu giai đoạn 2018 - 2023

TT	Tên đề tài, hướng NC, kết quả NC	Nghiên cứu sinh	Người hướng dẫn	Năm
1	- Tên đề tài: Phân tích bất khả quy trong lý thuyết đồ thị và nghiên cứu Hệ số Hilbert. - Kết quả: 1. Nguyen Thi Dung, Nguyen Thi Thanh Tam , Hoang Le Truong & Hoang Ngoc Yen (2019), "Critical paired dominating sets and irreducible	Nguyễn Thị Thanh Tâm	TS. Hoàng Lê Trường, GS.TS. Lê Thị Thanh Nhân	2018

	<p><i>decompositions of powers of edge ideals</i>”, Acta Mathematica Vietnamica, Vol 44. Number 3, p587-601.</p> <p>2. N. T. T. Tam, H. L. Truong (2019), “<i>A note on Chern coefficients and Cohen-Macaulay rings</i>”, Arkiv för Matematik</p>			
2	<p>- <i>Tên đề tài</i>: Về Idêan tham số trong vành địa phương đặc số dương.</p> <p>- <i>Kết quả</i>:</p> <p>1. Dương Thị Hương và Phạm Hùng Quý, “<i>Notes on Frobenius test exponents</i>”, Communications and algebra , số 7, pp. 2702-2710, 2019.</p>	Dương Thị Hương	PGS. TS. Phạm Hùng Quý, PGS.TS. Nguyễn Văn Hoàng	2019
3	<p>- <i>Tên đề tài</i>: Một số phương pháp lặp giải bài toán không điểm chung.</p> <p>- <i>Kết quả</i>:</p> <p>1. T.M.Tuyen, N.M.Trang, "Two Strong Convergence Theorems for the Common Null Point Problem in Banach Spaces”, Acta Mathematica Vietnamica, Vol. 44, Issue 4, pp. 935-953, 2019.</p> <p>2. S. Reich, T.M. Tuyen, N.M. Trang, "Parallel iterative methods for solving the split common fixed point problem in Hilbert spaces”, Numerical Functional Analysis and Optimization, doi.org/10.1080/01630563.2019.1681000, 2019.</p> <p>3. T.M. Tuyen, N.T.T. Thuy, N.M. Trang, A Strong Convergence Theorem for a Parallel Iterative Method for Solving the Split Common Null Point Problem in Hilbert Spaces”, Journal of Optimization Theory and Applications, 183, pages 271-291, 2019.</p> <p>4. Tuyen T.M., Trang N.M., “Two new algorithms for finding a common zero of accretive operators in Banach spaces”, <i>Journal of Nonlinear and Variational Analysis</i>, 3, pp. 87–107, 2019</p>	Nguyễn Minh Trang	TS. Trương Minh Tuyên, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	2019
4	<p>- <i>Tên đề tài</i>: Tính ổn định của một số lớp hệ phương trình vi phân phân thứ và ứng dụng trong lý thuyết điều khiển.</p> <p>- <i>Kết quả</i>:</p> <p>1. Mai Viet Thuan, Dinh Cong Huong and Duong Thi Hong, "New results on robust finite-time passivity for fractional-order neural networks with uncertainties”, Neural Processing Letters, 50(2): 1065-1078, 2019</p> <p>2. D.C. Huong, M.V. Thuan, D.T. Hong (2020), “New results on stability and stabilization of delayed Caputo fractional order systems with convex polytopic uncertainties”, <i>Journal of Systems Science and Complexity</i> 33, 563-583.</p> <p>3. N.H. Sau, D.T. Hong, N.T.T. Huyen, B.V. Huong, M.V. Thuan (2021), “Delay -dependent and order -dependent H_∞ control for</p>	Dương Thị Hồng	TS. Mai Việt Thuận, PGS.TS. Đinh Công Hương	2019

	<p>fractional-order neural networks with time-varying delay”, <i>Differential Equations and Dynamical Systems</i> 29, 825–839.</p> <p>4. D.T. Hong, N.H. Sau, M.V. Thuan (2022), “Output feedback finite-time dissipative control for uncertain nonlinear fractional-order systems”, <i>Asian Journal of Control</i> 24, 2284–2293.</p> <p>5. D.T. Hong, N.H. Sau, M.V. Thuan (2022), “New results on dissipativity analysis for a class of fractional-order static neural networks”, <i>Circuits, Systems, and Signal Processing</i> 41, 2221–2243.</p>			
5	<p><i>Tên đề tài:</i> Một số phương pháp lặp giải bài toán chấp nhận tách với nhiều tập đầu ra trong không gian Hilbert</p> <p><i>Kết quả:</i></p> <p>1. J.K. Kim, T.M. Tuyen, M.T.N. Ha, Two projection methods for solving the split common fixed point problem with multiple output sets in Hilbert spaces, <i>Numerical Functional Analysis and Optimization</i>, DOI: 10.1080/01630563.2021.1933528, 2021</p> <p>2. S. Reich, T.M. Tuyen, M.T.N. Ha, The split feasibility problem with multiple output sets in Hilbert spaces, <i>Optim. Letters</i>, 14, pp. 2335–2353, 2020</p> <p>3. S. Reich, T.M. Tuyen, M.T.N. Ha, An optimization approach to solving the split feasibility problem in Hilbert spaces, <i>J. Glob. Optim.</i>, 79, 837-852, 2021</p> <p>4. S. Reich, T.M. Tuyen, M.T.N. Ha, A product space approach to solving the split common fixed point problem in Hilbert spaces, <i>J. Nonlinear Convex Analysis</i>, Vol.21, N.11, 2571-2588, 2020</p> <p>5. S. Reich, T.M. Tuyen, N.T.T. Thuy, M.T. Ha, A new self-adaptive algorithm for solving the split common fixed point problem with multiple output sets in Hilbert spaces, <i>Numerical Algorithms</i>, 10.1007/s11075-021-01144-3, 2021</p>	Mai Thị Ngọc Hà	TS. Trương Minh Tuyên, PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Thủy	2019
6	<p><i>Tên đề tài:</i> Một số phương pháp lặp giải bài toán nghiệm chung tách cho lớp phương trình toán tử đơn điệu với đa tập đầu ra.</p> <p><i>Kết quả:</i></p> <p>1. S. Reich, T.M. Tuyen, P.T.V. Huyen, “New algorithms for solving the split common zero point problem in Hilbert space”, <i>Numerical Functional Analysis and Optimization</i>, Volume 44, 2023 - Issue 10, pages 1012-1030, https://doi.org/10.1080/01630563.2023.2221856.</p> <p>2. N.S. Ha, T.M. Tuyen, P.T.V. Huyen, “Inertial proximal point algorithm for the split common</p>	Phan Thị Vân Huyền	PGS.TS. Trương Minh Tuyên	2022

	<p>solution problem of monotone operator equations”, <i>Computational and Applied Mathematics</i> 42, Article number: 303 (2023), https://doi.org/10.1007/s40314-023-02441-4.</p>			
7	<p><i>Tên đề tài:</i> Tính chất định tính của của một số lớp hệ suy biến với đạo hàm bậc nguyên và đạo hàm bậc phân thứ.</p> <p>1. Nguyen Thi Phuong, Nguyen Thi Thanh Huyen, Nguyen Thi Huyen Thu, Nguyen Huu Sau and Mai Viet Thuan (2022), “New criteria for dissipative analysis of Caputo fractional-order neural networks with non-differentiable time-varying delays”, <i>International Journal of Nonlinear Sciences and Numerical Simulation</i>, (ISI, Q3).</p> <p>Nguyen Thi Phuong , Nguyen Huu Sau and Mai Viet Thuan (2023), “Finite-time dissipative control design for one-sided Lipschitz nonlinear singular Caputo fractional order systems”, <i>International Journal of Systems Science</i>, Volume 54, Issue 8, p.1694-1712 (ISI, Q1).</p> <p>3. Nguyen Thi Phuong · Mai Viet Thuan* · Nguyen Huu Sau · Nguyen Huyen Muoi (2023), “Non-fragile finite-time guaranteed cost control for a class of singular Caputo fractional order systems with uncertainties”, <i>Circuits, Systems, and Signal Processing</i>, https://doi.org/10.1007/s00034-023-02513-0 (SCIE, Q2).</p>	Nguyễn Thị Phuong	TS. Mai Viêt Thuận TS. Nguyễn Hữu Sáu	2021
8	<p>- <i>Tên đề tài:</i> Phương pháp không lưới thích nghi RBF-FD giải số bài toán Dirichlet cho phương trình Elliptic.</p> <p>- <i>Kết quả:</i></p> <p>1. Dang Thi Oanh, Ngo Manh Tuong (2022), "An Approach to Adaptive Refinement for the RBF-FD Method for 2D Elliptic Equations", <i>Applied Numerical Mathematics</i>, 178, 123–154 (SCI-E, Q1).</p> <p>2. Oleg Davydov, Dang Thi Oanh, Ngo Manh Tuong (2020), "Octant-based stencil selection for meshless finite difference methods in 3D", <i>Vietnam Journal of Mathematics</i>, 48, 93–106 (ESCI, Q2).</p> <p>3. Oleg Davydov, Dang Thi Oanh, Ngo Manh Tuong (2023), "Improved Stencil Selection for Meshless Finite Difference Methods in 3D", <i>Journal of Computational and Applied Mathematics</i>, 425, 115031 (SCI, Q2).</p>	Ngô Mạnh Tường	GS.TS. Oleg Davydov TS. Đặng Thị Oanh	2016
9	<p>- <i>Tên đề tài:</i> Tính ổn định trong thời gian hữu hạn của một số lớp hệ phương trình vi phân phân thứ và một số bài toán điều khiển liên quan.</p> <p>- <i>Kết quả:</i></p> <p>1. Nguyen Truong Thanh, Mai Viet Thuan, Tran Ngoc Tuan, "Novel finite-time guaranteed cost</p>	Trần Ngọc Tuấn	TS. Mai Viêt Thuận, PGS.TS. Nguyễn Trường Thanh	2022

	<p>control of uncertain polytopic fractional-order systems with time-varying delays”, Optimal Control Applications and Methods, https://doi.org/10.1002/oca.2989.</p> <p>2. Tran Ngoc Tuan, Nguyen Truong Thanh, Mai Viet Thuan, “New Results on Robust Finite-Time Extended Dissipativity for Uncertain Fractional-Order Neural Networks”, Neural Processing Letters, 55, 9635–9650 (2023). https://doi.org/10.1007/s11063-023-11218-z.</p> <p>3. Nguyen Thi Thanh Huyen · Tran Ngoc Tuan · Mai Viet Thuan · Nguyen Truong Thanh, “Event-triggered finite-time dissipative control for fractional-order neural networks with uncertainties”, has been accepted for publication in Neural Processing Letters</p>			
10	<p>- Tên đề tài: “Tính chất định tính của một số lớp hệ động lực phân thứ có nhiễu và một số bài toán điều khiển liên quan”.</p> <p>- Kết quả:</p> <p>1. Mai Viet Thuan, Tran Nguyen Binh and Dinh Cong Huong (2020) “Finite – time guaranteed cost control of caputo fractional – order neural networks” Asian Journal of Control, Vol. 22, No. 2, pp. 696-705, March 2020, DOI: 10.1002.</p> <p>2. Nguyen Thi Thanh Huyen, Nguyen Truong Thanh, Nguyen Huu Sau, Tran Nguyen Binh, Mai Viet Thuan (2023) “Mixed H_∞ and passivity performance for delayed conformable fractional – order neural networks” Circuits, Systems, and Signal Processing, doi.org/10.1007/s00034-023-02358-7.</p> <p>3. Nguyen Thi Thanh Huyen, Mai Viet Thuan, Nguyen Truong Thanh, Tran Nguyen Binh (2023) “Guaranteed cost control of fractional-order switched systems with mixed time-varying delays” Computational and Applied Mathematics, doi.org/10.1007/s40314-023-02505-5.</p>	Trần Nguyễn Bình	PGS.TS. Mai Việt Thuận, PGS.TS. Nguyễn Trường Thanh	2023

2.3. Danh mục ngành phù hợp

Bảng 3 . Danh mục ngành phù hợp ngành Toán ứng dụng

Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ		Ngành phù hợp trình độ đại học	
Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)	Ngành phù hợp trình độ đại học	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)
<ul style="list-style-type: none"> - Toán ứng dụng; - Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán; - Toán học tính toán; - Toán giải tích; - Cơ sở Toán học cho Tin học; - Lý thuyết xác suất và thống kê; - Phương trình vi phân và tích phân. 	Không		<p><i>Học bổ sung 48 tín chỉ:</i></p> <p>I. Kiến thức chung 8 TC</p> <p>1. Triết học (3 TC);</p> <p>2. Tiếng Anh (5 TC).</p> <p>II. Kiến thức cơ sở 25 TC</p> <p><i>* Các học phần bắt buộc :</i></p> <p>3. Đại số tuyến tính ứng dụng (3 TC)</p> <p>4. Đại số hiện đại (3 TC)</p> <p>5. Giải tích hàm (3 TC)</p> <p>6. Giải tích số (3 TC)</p> <p>7. Cơ sở giải tích lồi (3 TC)</p> <p><i>* Các học phần tự chọn :</i></p> <p>8. Lý thuyết xác suất và ứng dụng (2 TC)</p> <p>9. Phần mềm toán học và ứng dụng (2 TC)</p> <p>10. Phương trình vi phân và ứng dụng (2 TC)</p> <p>11. Mô hình và lập mô hình toán học (2 TC)</p> <p>12. Mô hình toán kinh tế (2TC)</p> <p>13. Giải tích đa trị (2 TC)</p> <p>III. Kiến thức chuyên ngành 15 TC</p> <p><i>* Các học phần bắt buộc 9 TC</i></p> <p>14. Lý thuyết tối ưu (3 TC)</p> <p>15. Lý thuyết bài toán đặt không chỉnh (3 TC)</p> <p>16. Phương pháp số giải các bài toán cực trị (3 TC)</p> <p><i>* Các học phần tự chọn 6TC</i></p> <p>17. Bất đẳng thức biến phân (3 TC)</p> <p>18. Lý thuyết giảm bậc của mô hình (3 TC)</p> <p>19. Quá trình ngẫu nhiên (3 TC)</p> <p>20. Lý thuyết điều khiển (3 TC)</p>
<ul style="list-style-type: none"> - Đại số và Lý thuyết số; - Phương pháp Toán sơ cấp; - Hình học và tô pô. 	<p><i>Chọn 5 (15 TC) trong số 7 học phần sau:</i></p> <p>1. Lý thuyết tối ưu (3 TC)</p> <p>2. Lý thuyết bài toán đặt không chỉnh (3 TC).</p> <p>3. Phương pháp số giải bài toán cực trị (3 TC)</p> <p>4. Bất đẳng thức biến phân (3 TC)</p> <p>5. Lý thuyết giảm bậc của mô hình (3 TC)</p> <p>6. Quá trình ngẫu nhiên (3 TC)</p> <p>7. Lý thuyết điều khiển toán học (3 TC)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Toán học; - Sư phạm Toán học; - Toán - Tin ứng dụng. 	

Bảng 4. Danh mục ngành phù hợp với ngành Hóa sinh học

Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ		Ngành phù hợp trình độ đại học	
Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)	Ngành phù hợp trình độ đại học	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)
<ul style="list-style-type: none"> - Nhân chủng học; - Di truyền học ; - Sinh thái học; - Sinh học thực nghiệm; - Thực vật học; - Động vật học; - Vi sinh vật học - Thủy sinh vật học - Công nghệ Sinh học 	Không		<p>1. Các học phần bổ sung kiến thức trình độ đại học gồm 4 học phần, 12 tín chỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tế bào học (3TC) - Di truyền học (3TC) - Vi sinh vật (3TC) - Hóa sinh học (3TC) <p>2. Các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ (48 tín chỉ) gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học (3TC) 2. Tiếng Anh (5TC) 3. Tin sinh học, 3 TC 4. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong sinh học (3 TC) 5. Sinh học của sự sinh sản (3 TC) 6. Công nghệ DNA tái tổ hợp (3 TC) 7. Miễn dịch học phân tử (3 TC) 8. Công nghệ sinh học thực vật (3TC) 9. Công nghệ sinh học vi sinh vật (3TC) 10. Các kỹ thuật hiện đại trong chẩn đoán phân tử và tế bào (3 TC) 11. Nghiên cứu thuốc từ thảo dược (2 TC) 12. Thực tế chuyên ngành (2 TC) 13. Công nghệ chuyển gen thực vật (3 TC) 14. Nghiên cứu và phát triển chất kháng sinh từ vi sinh vật (3 TC) 15. Công nghệ tế bào gốc (3 TC) 16. Công nghệ sinh học Nano (3 TC)
<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thực phẩm; - Chăn nuôi; - Vi sinh y học; - Dược lý và độc chất; - Ung thư; - Y học dự học; - Dinh dưỡng; - Lý sinh y học; - Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc; - Hóa sinh dược; - Di truyền chọn giống cây trồng; - Khoa học cây trồng; - Bảo vệ thực vật; - Huyết học và truyền máu; - Kiểm nghiệm thuốc và độc chất. 	<p>Gồm 4 môn học (10 tín chỉ):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hóa sinh học (3 TC) 2. Công nghệ hóa sinh (2TC) 3. Sinh học phân tử (3 TC) 4. Công nghệ enzyme (2 TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp; - Lâm nghiệp; - Khoa học Môi trường; - Nông học; - Phát triển nông thôn; - Khoa học cây trồng; - Quản lý tài nguyên rừng; - Nông nghiệp; - Chăn nuôi; - Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan; - Công nghệ thực phẩm; - Công nghệ sau thu hoạch 	

Bảng 5. Danh mục ngành phù hợp với ngành Hóa học

Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ		Ngành phù hợp trình độ đại học	
Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)	Ngành phù hợp trình độ đại học	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)
<ul style="list-style-type: none"> - Hóa học - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Hóa lí thuyết và hóa lí - Hóa môi trường - Kỹ thuật hóa học - Hoá dược - Hóa sinh dược - Hóa sinh học - Phương pháp giảng dạy Hóa học 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học - Thực vật học - Sinh học thực nghiệm - Sinh thái học - Sinh học ứng dụng - Công nghệ sinh học - Sư phạm Hóa học - Sư phạm Hóa - sinh - Sư phạm Hóa - lý - Vật lý chất rắn - Quang học - Khoa học vật liệu 	<p><i>Học bổ sung 48 tín chỉ:</i> <i>* Học phần bắt buộc (32 tín chỉ)</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học (3TC) 2. Tiếng Anh (5TC) 3. Các phương pháp phân tích hóa lý hiện đại (3TC) 4. Cấu tạo chất nâng cao (3TC) 5. Hóa vô cơ nâng cao (3TC) 4. Hoá hữu cơ nâng cao (3TC) 5. Xác định cấu trúc phân tử các hợp chất hóa học bằng các phương pháp phổ (3TC) 6. Các kỹ thuật xử lý mẫu trong hóa phân tích (3TC) 7. Các phương pháp phân tích sắc ký (3TC) 8. Hóa phân tích nâng cao (3TC) <p><i>* Học phần tự chọn (16 tín chỉ)</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 9. Hóa học phức chất nâng cao (2TC) 10. Xử lý số liệu thực nghiệm trong hóa học phân tích (3TC) 11. Các phương pháp phân tích vật liệu (3TC) 12. Các phương pháp tách và tinh chế (3TC) 13. Các phương pháp quang điện hóa (3TC) 14. Các phương pháp phân tích điện hóa hiện đại (3TC) 15. Phân tích môi trường (3TC) 16. Phương pháp phân tích dạng các nguyên tố (2TC) 17. Các phương pháp
<ul style="list-style-type: none"> - Sinh học - Thực vật học - Sinh học thực nghiệm - Sinh thái học - Sinh học ứng dụng - Công nghệ sinh học - Vật lý chất rắn - Quang học - Khoa học vật liệu - Khoáng vật học và địa hóa học - Địa lí tự nhiên - Địa lý tài nguyên và môi trường - Khoa học môi trường - Công nghệ thực phẩm - Dược học 	<p><i>Gồm 7 môn học (21 tín chỉ):</i> <i>* 4 học phần bắt buộc (12 tín chỉ):</i> 1. Hóa vô cơ nâng cao (3TC) 2. Cấu tạo chất nâng cao (3TC) 3. Hoá hữu cơ nâng cao (3TC) 4. Hóa phân tích nâng cao (3TC) <i>* 3 học phần tự chọn (9 tín chỉ):</i> 1. Các kỹ thuật xử lý mẫu trong hóa phân tích (3TC) 2. Các phương pháp phân tích sắc ký (3TC) 3. Xử lý số liệu thực nghiệm trong hóa học phân tích (3TC) 4. Các phương pháp phân tích vật liệu (3TC)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khoáng vật học và địa hóa học - Địa lí tự nhiên - Địa lý tài nguyên và môi trường - Khoa học môi trường - Công nghệ thực phẩm - Dược học - Khoáng vật học và địa hóa học - Địa lí tự nhiên - Địa lý tài nguyên và môi trường - Khoa học môi trường - Công nghệ thực phẩm - Dược học 	<ul style="list-style-type: none"> 9. Hóa học phức chất nâng cao (2TC) 10. Xử lý số liệu thực nghiệm trong hóa học phân tích (3TC) 11. Các phương pháp phân tích vật liệu (3TC) 12. Các phương pháp tách và tinh chế (3TC) 13. Các phương pháp quang điện hóa (3TC) 14. Các phương pháp phân tích điện hóa hiện đại (3TC) 15. Phân tích môi trường (3TC) 16. Phương pháp phân tích dạng các nguyên tố (2TC) 17. Các phương pháp

<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc - Dược liệu - Dược học cổ truyền - Kiểm nghiệm thuốc và độc chất - Kỹ thuật mổ - Kỹ thuật dầu khí - Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu 	<ul style="list-style-type: none"> 5. Xác định cấu trúc phân tử các hợp chất hóa học bằng các phương pháp phổ (3TC) 6. Hóa học các hợp chất dị vòng (3TC) 7. Những chương chọn lọc của hóa học các hợp chất thiên nhiên (3TC) 8. Hóa sinh vô cơ (3TC) 9. Hóa lý và ứng dụng (3TC) 10. Công nghệ xử lý môi trường (3TC) 		<ul style="list-style-type: none"> phân tích quang phổ (2TC) 18. Phân tích thực phẩm, thực phẩm chức năng và dược liệu (2TC) 19. Hóa học các hợp chất dị vòng (3TC) 20. Những chương chọn lọc của hóa học các hợp chất thiên nhiên (3TC) 21. Hóa sinh vô cơ (3TC) 22. Hóa lý và ứng dụng (3TC) 23. Công nghệ xử lý môi trường (3TC)
---	--	--	--

Bảng 6. Danh mục ngành phù hợp với ngành Quang học

Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ		Ngành phù hợp trình độ đại học	
Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)	Ngành phù hợp trình độ đại học	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)
- Quang học	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Cử nhân Vật lý - Khoa học Vật liệu - Vật lý nguyên tử và hạt nhân - Thiên văn học - Vật lý nguyên tử và hạt nhân - Vật lý kỹ thuật - Kỹ thuật hạt nhân - Sư phạm Vật lý 	<p><i>* Học bổ sung 48 tín chỉ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Triết học (3 TC) 2. Toán cho Vật lý (3 TC) 3. Tin học cho Vật lý (3 TC) 4. Cơ học lượng tử nâng cao (3 TC) 5. Cấu trúc phổ nguyên tử và phân tử (3 TC) 6. Quang học bán dẫn (3TC) 7. Công nghệ nano và ứng dụng (3 TC) 8. Vật liệu quang và từ (3 TC) 9. Mô phỏng và tính toán trong Vật lý (3 TC) 10. Vật lý laser (3 TC) 11. Các phương pháp phân tích cấu trúc vật rắn (3 TC) 12. Thông tin quang (3 TC) 13. Thiết bị, linh kiện quang học, quang phổ và Laser (3 TC) 14. Quang phổ học Raman (3 TC) 15. Quang tử nano và linh kiện quang tử cấu trúc micro và nano (3 TC) 16. Quang phổ huỳnh quang (3 TC)

<ul style="list-style-type: none"> - Thiên văn học - Vật lý lý thuyết và vật lý toán - Vật lý chất rắn - Vật lý vô tuyến và điện tử - Vật lý nguyên tử và hạt nhân - Cơ học vật rắn - Cơ học chất lỏng và chất khí - Cơ học - Vật lý địa cầu - Hoá học - Hoá vô cơ - Hoá hữu cơ - Hoá lý thuyết và hoá lý - Hoá phân tích - Khoa học vật liệu - Địa vật lý - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật y sinh - Kỹ thuật hoá học - Kỹ thuật vật liệu - Vật lý kỹ thuật - Kỹ thuật hạt nhân - Kỹ thuật địa vật lý 	<p><i>Gồm 7 học phần (21 tín chỉ):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quang học bán dẫn (3 TC) 2. Thông tin quang (3 TC) 3. Công nghệ nano và ứng dụng (3 TC) 4. Vật lý laser (3 TC) 5. Các phương pháp phân tích cấu trúc vật rắn (3 TC) 6. Vật liệu quang và từ học (3 TC) 7. Quang phổ học Raman (3 TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Sư phạm kỹ thuật công nghiệp - Sư phạm Công nghệ - Sư phạm Vật lý-Kỹ thuật công nghiệp - Sư phạm Khoa học tự nhiên - Cơ học - Công nghệ vật liệu - Công nghệ kỹ thuật hạt nhân - Cơ kỹ thuật - Kỹ thuật cơ điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Kỹ thuật công nghiệp - Kỹ thuật điện tử - viễn thông - Kỹ thuật vật liệu - Kỹ thuật hạt nhân - Kỹ thuật địa vật lý - Kỹ thuật y sinh - Kỹ thuật hoá học 	<p><i>* Các học phần bổ sung kiến thức trình độ đại học (15 tín chỉ):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ học lượng tử (3 TC) 2. Vật lý thông tin quang (3 TC) 3. Vật lý hiện đại (3 TC) 4. Quang vật rắn (3 TC) 5. Quang học hiện đại (3 TC) <p><i>* Các học phần bổ sung kiến thức trình độ thạc sĩ (48 tín chỉ):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học (3 TC) 2. Toán cho Vật lý (3 TC) 3. Tin học cho Vật lý (3 TC) 4. Cơ học lượng tử nâng cao (3 TC) 5. Cấu trúc phổ nguyên tử và phân tử (3 TC) 6. Quang học bán dẫn (3 TC) 7. Công nghệ nano và ứng dụng (3 TC) 8. Vật liệu quang và từ (3 TC) 9. Mô phỏng và tính toán trong Vật lý (3 TC) 10. Vật lý laser (3 TC) 11. Các phương pháp phân tích cấu trúc vật rắn (3 TC) 12. Thông tin quang (3 TC) 13. Thiết bị, linh kiện quang học, quang phổ và Laser (3 TC) 14. Quang phổ học Raman (3 TC) 15. Quang tử nano và linh kiện quang tử cấu trúc micro và nano (3 TC) 16. Quang phổ huỳnh quang (3 TC)
---	--	---	---



Bảng 7. Danh mục ngành phù hợp với ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ		Ngành phù hợp trình độ đại học	
Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)	Ngành phù hợp trình độ đại học	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)
<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài nguyên và môi trường - Quản lý đất đai - Quản lý biển đảo và đới bờ - Quản lý tài nguyên rừng - Khoa học môi trường - Địa lý tài nguyên và môi trường 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý tài nguyên và môi trường - Khoa học môi trường - Địa lý học - Địa lý tự nhiên - Công nghệ /Kỹ thuật môi trường - Khoa học đất - Quản lý đất đai - Kinh tế tài nguyên thiên nhiên - Quản lý tài nguyên rừng 	<p><i>Các học phần bổ sung kiến thức trình độ thạc sĩ (48 tín chỉ):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Triết học (3TC) 2. Tiếng Anh (5TC) 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong QLTNMT (2TC) 4. Nguyên lý trong QLTNMT (2TC) 5. Chiến lược, chính sách TNMT (3TC) 6. Ứng dụng công nghệ 3S trong QLTNMT (3TC) 7. Quản lý bền vững đất đai (3TC) 8. Quản lý bền vững tài nguyên nước (3TC) 9. Quản lý tài nguyên rừng cho sự phát triển bền vững (3TC) 10. Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại (3TC) 11. Đánh giá rủi ro và quản lý thiên tai (2TC) 12. Quản lý tài nguyên và môi trường (3TC) 13. Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng (3TC) 14. Đánh giá tác động môi trường chiến lược (3TC) 15. Quản lý môi trường nông nghiệp nông thôn (3TC) 16. Thực tế chuyên môn (4TC)
<ul style="list-style-type: none"> - Địa chất học - Khoáng vật học và địa hóa học - Địa vật lý - Bản đồ học 	<p><i>Gồm 6 học phần (18 tín chỉ):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy 	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh thái học - Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Kỹ thuật tài nguyên nước 	<p><i>* Các học phần bổ sung kiến thức trình độ đại học (16 tín chỉ):</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở khoa học môi trường (4TC)

<ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ, viễn thám và hệ thống thông tin địa lý - Địa lý tự nhiên - Địa mạo và cổ địa lý - Khí tượng và khí hậu học - Thủy văn học - Hải dương học - Khoa học đất - Chăn nuôi - Khoa học cây trồng - Di truyền và chọn giống cây trồng - Bảo vệ thực vật - Kinh tế nông nghiệp - Phát triển nông thôn - Hệ thống nông nghiệp - Lâm học - Lâm sinh - Địa lý học - Quy hoạch vùng và đô thị - Quản lý đô thị và công trình - Quản lý xây dựng - Kỹ thuật tài nguyên nước - Kỹ thuật địa chất - Quản lý công nghiệp - Quản lý năng lượng - Quản lý khoa học và công nghệ - Quản lý an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> hại (3TC) 2. Đánh giá rủi ro và quản lý thiên tai (3TC) 3. Đánh giá môi trường chiến lược (3TC) 4. Ứng dụng công nghệ 3S trong quản lý tài nguyên và môi trường (3TC) 5. Quản lý tài nguyên và quy hoạch môi trường (3TC) 6. Quản lý môi trường nông nghiệp nông thôn (3TC) 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ thực vật - Quản lý đô thị và công trình - Quy hoạch vùng và đô thị - Thủy văn học - Sư phạm Địa lý - Sinh học - Hóa học - Kỹ thuật tuyển khoáng - Quản lý thủy sản - Địa chất học 	<ul style="list-style-type: none"> 2. Quản lý tổng hợp tài nguyên (3TC) 3. Đánh giá tác động môi trường (3TC) 4. Ô nhiễm môi trường (3TC) 5. Môi trường và phát triển bền vững (3TC) <p><i>* Các học phần bổ sung kiến thức trình độ thạc sĩ (48 tín chỉ):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Triết học (3TC) 2. Tiếng Anh (5TC) 3. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong QLTNMT (2TC) 4. Nguyên lý trong QLTNMT (2TC) 5. Chiến lược, chính sách TNMT (3TC) 6. Ứng dụng công nghệ 3S trong QLTNMT (3TC) 7. Quản lý bền vững đất đai (3TC) 8. Quản lý bền vững tài nguyên nước (3TC) 9. Quản lý tài nguyên rừng cho sự phát triển bền vững (3TC) 10. Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại (3TC) 11. Đánh giá rủi ro và quản lý thiên tai (2TC) 12. Quản lý tài nguyên và môi trường (3TC) 13. Biến đổi khí hậu và giải pháp thích ứng (3TC) 14. Đánh giá tác động môi trường chiến lược (3TC) 15. Quản lý môi trường nông nghiệp nông thôn (3TC) 16. Thực tế chuyên môn (4TC)
---	--	---	--

Bảng 8. Danh mục ngành phù hợp với ngành Đại số và lý thuyết số

Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ		Ngành phù hợp trình độ đại học	
Ngành phù hợp trình độ thạc sĩ	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)	Ngành phù hợp trình độ đại học	Môn học bổ sung kiến thức (số tín chỉ)
- Đại số và Lý thuyết số	Không		<i>Học bổ sung 48 tín chỉ:</i> I. Kiến thức chung 8 TC 1. Tiếng Anh (5 TC); 2. Triết học (3 TC). II. Kiến thức cơ sở 25 TC <i>* Các học phần bắt buộc:</i> 3. Đại số tuyến tính ứng dụng (3 TC) 4. Đại số hiện đại (3 TC) 5. Giải tích hàm (3 TC) 6. Giải tích số (3TC) 7. Cơ sở giải tích lồi (3TC) <i>* Các học phần tự chọn:</i> 8. Lý thuyết xác suất và ứng dụng (2TC) 9. Phần mềm toán học và ứng dụng (2TC) 10. Phương trình vi phân và ứng dụng (2TC) 11. Lý thuyết nhóm (2 TC) 12. Topo đại cương (2TC) 13. Lý thuyết đa thức (2TC) 14. Hình học vi phân của đa tạp (2TC) 15. Nhập môn Đại số Lie và Nhóm Lie (2TC) 16. Giải tích phi tuyến (2TC) 17. Giải tích phức (2TC) III. Kiến thức chuyên ngành 15 TC <i>* Các học phần bắt buộc 9TC</i> 18. Lý thuyết Galois (3 TC) 19. Nhập môn Đại số giao hoán (3 TC) 20. Số học và thuật toán (3TC). <i>* Các học phần tự chọn 6TC</i> 21. Lý thuyết vành và môđun (3TC) 22. Đại số máy tính (3 TC) 23. Nhập môn Đại số đồng điều (3 TC).
- Toán ứng dụng; - Phương pháp Toán sơ cấp; - Toán giải tích; - Cơ sở Toán học cho Tin học; - Lý thuyết xác suất và thống kê; - Phương trình vi phân và tích phân; - Hình học và Tôpô.	<i>Gồm 4 môn học (15 tín chỉ):</i> 1. Lý thuyết Galois (3TC) 2. Nhập môn Đại số giao hoán (3TC). 3. Số học và thuật toán (3TC) 4. Đại số máy tính (3TC) 5. Nhập môn Đại số đồng điều (3TC).	- Toán học; - Sư phạm Toán học; - Toán - Tin ứng dụng	

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh phải thỏa mãn Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ được ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo, cụ thể:

+ Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

+ Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

+ Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

+ Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

+ Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau: Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài; Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại bảng dưới đây còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

TT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency	N3 trở lên

		Test (JLPT)	
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

- Nguồn tuyển sinh là cán bộ nghiên cứu, giảng viên, chuyên viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông, các sở Khoa học và Công nghệ, các sở Giáo dục & Đào tạo, các cơ quan quản lý Khoa học và Giáo dục trên cả nước.

2.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành

Bảng 9. Chỉ tiêu đăng ký

TT	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu đăng ký
1	Hóa sinh học	9420116	02
2	Đại số & Lý thuyết số	9460104	01
3	Toán ứng dụng	9460112	06
4	Quang học	9440110	06
5	Hóa học	9440112	03
6	Quản lý tài nguyên và môi trường	9850101	08
Tổng:			26

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Khoa học

2.4.1. Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn NCS bao gồm:

a. Đối với ngành Hoá sinh học:

- Phân tích thành phần hóa sinh và xác định hàm lượng của một số hợp chất tự nhiên có hoạt tính dược học trong thực vật.
- Nghiên cứu phân lập gen và chuyển gen thực vật.
- Nghiên cứu phát triển các sinh phẩm ứng dụng trong chẩn đoán các bệnh di truyền và truyền nhiễm ở người.
- Nghiên cứu về sinh học phân tử một số bệnh di truyền ở người.
- + Nghiên cứu mối liên quan giữa một số đa hình gen với chuyển hóa thuốc trong điều trị bệnh ở người
- + Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc gen mã hóa enzyme tham gia con đường chuyển hóa ethanol ở một bệnh được chẩn đoán liên quan đến rượu
- Nghiên cứu các hoạt chất chống ung thư phân lập từ thảo dược Việt Nam
- Nghiên cứu cơ chế phân tử của sự nhắm đích tế bào gốc ung thư bởi các thuốc chống ung thư tiềm năng.
- Nghiên cứu tiềm năng chống ung thư của cây thuốc trong cộng đồng dân tộc thiểu số

- b. Đối với ngành Toán ứng dụng:
- Phương trình với toán tử đơn điệu;
 - Bất đẳng thức biến phân;
 - Bài toán điểm bất động;
 - Bài toán cân bằng.
- Nghiên cứu tính ổn định theo nghĩa Lyapunov, tính thụ động, tính tiêu hao và một số bài toán điều khiển liên quan cho một số lớp hệ phương trình vi phân với đạo hàm bậc nguyên và bậc phân thứ;
- Nghiên cứu tính ổn định, tính bị chặn, tính thụ động, tính tiêu hao trong thời gian hữu hạn của một số lớp hệ phương trình vi phân với đạo hàm bậc nguyên và bậc phân thứ;
- Nghiên cứu bài toán tìm bao của tập đạt được cho một số lớp hệ phương trình vi phân có trễ;
- Bài toán thiết kế quan sát trạng thái một số lớp hệ phương trình vi phân với đạo hàm bậc nguyên và bậc phân thứ.
- Nghiên cứu tính chất định tính của hệ phương trình vi phân suy biến bậc nguyên và bậc phân thứ.
- Tối ưu hoá trên đa tạp Riemann và ứng dụng
- Nghiên cứu lý thuyết và thuật toán giải số bất đẳng thức biến phân và các bài toán liên quan.
- Nghiên cứu lý thuyết và thuật toán giải số bài toán tối ưu và các bài toán liên quan.
- Nghiên cứu lý thuyết và thuật toán giải số bài toán chấp nhận tách và các bài toán liên quan.
- Nghiên cứu lý thuyết và thuật toán giải số bài toán phương trình tách và các bài toán liên quan.
- Nghiên cứu ứng dụng trong các mô hình bài toán khôi phục tín hiệu, khôi phục ảnh, phân phối băng thông, kiểm soát năng lượng trong hệ thống mạng CDMA.
- Điều kiện tối ưu cho bài toán tối ưu tổng quát, bài toán điều khiển tối ưu, bài toán tối ưu đa mục tiêu;
- Nghiên cứu tính ổn định, tính ổn định vi phân cho lớp các bài toán tối ưu có tham số tổng quát, bài toán điều khiển tối ưu, bài toán tối ưu đa mục tiêu.
- Nghiên cứu bài toán ngược xác định điều kiện biên Neumann cho phương trình parabolic;
- Nghiên cứu bài toán ngược xác định điều kiện ban đầu cho phương trình parabolic đề xuất từ các loại quan sát như: quan sát tại thời điểm cuối, quan sát trên biên hoặc quan sát trên một phần của biên và quan sát tích phân hoặc quan sát trong một phần của miền không gian;
- Nghiên cứu bài toán ngược xác định vế phải (hoặc một phần vế phải) cho phương trình parabolic;
- Nghiên cứu bài toán ngược xác định hệ số cho phương trình parabolic.

c. Đối với ngành Quang học:

- Nghiên cứu chế tạo vật liệu tổ hợp dựa trên nanocarbon (graphene, ống nano carbon, than hoạt tính) và oxit bán dẫn/ kim loại để ứng dụng xử lý môi trường.
- Nghiên cứu chế tạo các chất lỏng nano dựa trên vật liệu hybrid nanocarbon (graphene, ống nano carbon, than hoạt tính) - nano kim loại ứng dụng cho thiết bị truyền dẫn nhiệt và chuyển đổi năng lượng mặt trời.
- Nghiên cứu chế tạo vật liệu hybrid nanocarbon (graphene, ống nano carbon, than hoạt tính) - nano Si/ Sn ứng dụng làm anode cho pin Li-ion.
- Nghiên cứu chế tạo các nano kim loại quý/ nano hợp kim bằng phương pháp plasma/ phương pháp xanh (sử dụng dịch chiết thực vật) ứng dụng trong quang xúc tác và y-sinh học.
- Nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật plasma trong y-sinh học và xử lý môi trường.
- Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn có cấu trúc lõi/vỏ: CdS/ZnSe, CdTe/CdSe, ZnTe/ZnSe...
- Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn hợp kim: CdSSe, CdTeSe, CdZnS...
- Nghiên cứu các tính chất quang và từ của các chấm lượng tử bán dẫn pha tạp các kim loại chuyển tiếp Ni, Cu, Mn, Co...
- Nghiên cứu tính chất quang và các quá trình truyền năng lượng giữa các ion đất hiếm Eu, Tb, Dy, Sm, Ce... trong các chấm lượng tử bán dẫn.
- Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nanoplasmonic ứng dụng trong cảm biến sinh học
- Nghiên cứu chế tạo các cấu trúc nano mang thuốc nhằm ứng dụng trong y học
- Nghiên cứu chế tạo các hệ nano đa chức năng nhằm ứng dụng trong phân tích môi trường, cảm biến môi trường.
- Nghiên cứu chế tạo các vật liệu xúc tác cho quá trình khử H^+ tạo H_2 , oxi hóa H_2O tạo O_2
- Nghiên cứu chế tạo các vật liệu quang xúc tác cấu trúc nano định hướng ứng dụng làm cathode quang và anode quang cho pin quang điện hóa
- Nghiên cứu tính chất quang điện hóa, động học hạt tải, động học xúc tác của vật liệu quang xúc tác.
- Chế tạo và nghiên cứu tính chất hấp thụ sóng điện từ của một số vật liệu tổ hợp điện môi/sắt từ, ferrite.
- Chế tạo và khảo sát ảnh hưởng của độ dày lớp hấp thụ lên tính chất hấp thụ sóng vi ba của vật liệu ferrite $SrFe_{12-2x}M_{2x}O_{19}$ ($m = Co, Ti, Cu, \dots$).
- Ảnh hưởng của nồng độ pha từ tính lên khả năng hấp thụ sóng điện từ trong vùng tần số GHz của vật liệu tổ hợp nền điện môi $La_{1.5}Sr_{0.5}NiO_4$.
- Nghiên cứu tính chất quang, khả năng truyền năng lượng, điện tử của các hạt nano kim loại, bán dẫn và các phân tử ứng dụng trong các phản ứng quang xúc tác.
- Nghiên cứu cơ chế động học các phản ứng quang xúc tác trong các hệ quang xúc tác.

- Nghiên cứu vật liệu biến hoá có độ từ thẩm âm, chiết suất âm và vật liệu biến hoá hấp thụ sóng điện từ.

- Nghiên cứu các tính chất quang điện từ của vật liệu spinel ứng dụng trong quang xúc tác, xử lý trong môi trường

- Nghiên cứu các tính chất quang điện từ của các vật liệu nano ứng dụng trong y sinh.

- Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang của các chấm lượng tử bán dẫn

- Nghiên cứu các tính chất quang của các vật liệu nano ứng dụng trong y sinh.

- Chế tạo, nghiên cứu các tính chất quang của các vật liệu nano ứng dụng trong xử lý môi trường.

- Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang của các ion đất hiếm

- Chế tạo bột huỳnh quang phát ánh sáng trắng ứng dụng trong chiếu sáng

- Chế tạo bột huỳnh quang phát ánh sáng nhiều màu sắc ứng dụng trong tăng năng suất cây trồng.

- Chế tạo, nghiên cứu các tính chất quang của các vật liệu nano ứng dụng trong y sinh.

- Chế tạo, nghiên cứu các tính chất quang của các vật liệu nano ứng dụng trong xử lý môi trường.

- Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang, điện từ của một số vật liệu sắt từ và ferrite.

d. Đối với ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

- Quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Quản lý rủi ro thiên tai khu vực miền núi; Quản lý tổng hợp đới bờ vùng cửa sông hoặc biển đảo; Quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước,...

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ địa không gian, trí tuệ nhân tạo trong quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Quản lý bền vững đất đai;

- Đánh giá chất lượng đất và các quá trình thoái hóa đất tự nhiên và đất canh tác nông nghiệp;

- Nghiên cứu mức độ ô nhiễm các giải pháp phục hồi đất ô nhiễm do khai khoáng, do canh tác nông nghiệp;

- Nghiên cứu sự các tác động của quá trình đô thị hóa tới quản lý và sử dụng đất.

- Ứng dụng các vật liệu tiên tiến xử lý nước và nước thải bằng quá trình hấp phụ, oxi hoá và vi sinh;

- Xử lý đất ô nhiễm kim loại nặng bằng quá trình hấp phụ;

- Nghiên cứu thu hồi các chất dinh dưỡng trong nước thải thành các sản phẩm hữu ích;

- Công nghệ xử lý ô nhiễm môi trường.

- Giáo dục môi trường, chi trả dịch vụ môi trường;

- Quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn;

- Nghiên cứu dịch vụ hệ sinh thái và đánh giá tiềm năng phát triển;

- Điều tra, đánh giá nguồn tài nguyên sinh vật, đề xuất sử dụng hợp lý các loài có giá trị khoa học, kinh tế và bảo tồn.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong quản lý, phân loại, xử lý chất thải nông nghiệp, thực hiện kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh.



- Nghiên cứu, tính toán hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường trong áp dụng sản xuất hữu cơ phát triển kinh tế.
- Nghiên cứu hoàn thiện các giải pháp môi trường trong hoàn thiện các chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực vùng, địa phương.
- Quản lý môi trường nông nghiệp nông thôn khu vực miền núi.
- e. Đối với ngành Đại số và lý thuyết số
 - Cấu trúc vành và môđun
 - Nghiên cứu các bất biến trong Đại số giao hoán như: độ sâu, chỉ số chỉnh quy, số Betti của idêan đơn thức trong vành đa thức.
 - Nghiên cứu một số các bài toán tổ hợp về đồ thị và siêu đồ thị trong Đại số giao hoán tổ hợp
 - Đối đồng điều địa phương
 - Lý thuyết biểu diễn nhóm
- f. Đối với ngành Hóa học
 - Phân lập xác định cấu trúc và hoạt tính dược học của các hợp chất thiên nhiên;
 - Tổng hợp hữu cơ hiện đại và nghiên cứu hoạt tính dược học của các hợp chất hữu cơ mới;
 - Tổng hợp các vật liệu mới – vật liệu nano, phân tích đặc trưng cấu trúc vật liệu và ứng dụng trong xử lý môi trường, y sinh, quang điện tử và vật liệu bán dẫn;
 - Phân tích chất ô nhiễm trong các đối tượng môi trường.

2.4.2. Các đề tài nghiên cứu đã và đang triển khai liên quan đến ngành tuyển sinh:

Bảng 10. Các đề tài nghiên cứu đã và đang triển khai

TT	Mã số, tên đề tài	Chủ nhiệm
CẤP QUỐC GIA		
1	Nghiên cứu khả năng ức chế tế bào gốc ung thư dạ dày của các hợp chất Triterpenoid saponin từ cây Lá khô <i>Ardisia gigantifolia</i> thông qua con đường tín hiệu Notch	Nguyễn Phú Hùng
2	Nghiên cứu một số yếu tố nguy cơ và đặc điểm hệ gen mã hóa ở bệnh nhân khiếm thính bẩm sinh ở Việt Nam (2021 – 2024).	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên ĐH Khoa học Thái Nguyên có 5 thành viên là thành viên chủ chốt.
3	“Nghiên cứu chế tạo cảm biến nanoplasmonic tích hợp với sắc ký lớp mỏng để phân tích dư lượng thuốc trừ sâu chứa nhóm phospho hữu cơ (chlopyrifos-ethyl, methidathion, cypermethrins) và clo hữu cơ (chlorothalonil, endosulfan) trong chè Thái Nguyên”, Mã số: ĐTĐLCN-23.23	Phạm Thị Thu Hà
4	Nghiên cứu khả năng xử lý ô nhiễm của các kim loại Cd, Cu, Pb, Cr, As, Zn trong đất và khả năng cải thiện dinh dưỡng của đất ô nhiễm ở khu vực xung	Vương Trường Xuân

TT	Mã số, tên đề tài	Chủ nhiệm
	quanh các mỏ khai thác quặng ở khu vực miền Bắc Việt Nam của than sinh học được làm từ phụ phẩm nông nghiệp Mã số: 104.04-2018.10	
ĐỀ TÀI CẤP BỘ		
1	B2023-TNA-26 “Nghiên cứu chức năng và ứng dụng của gene mã hóa protein thuộc phân họ nhân tố phiên mã AP2 của đậu tương nhằm nâng cao khả năng kháng hạn và mặn của cây chuyển gene”.	TS. Nguyễn Thị Hải Yến
2	Đề tài Nafosted, mã số 103.02-2021.48, Nghiên cứu các tính chất quang và huỳnh quang chuyển đổi tần số thông qua quá trình truyền năng lượng giữa các ion đất hiếm pha tạp trong các nano tinh thể bán dẫn	PGS.TS. Nguyễn Xuân Ca
3	Đề tài Nafosted, mã số 103.02-2021.94, Điều khiển tính chất của vật liệu biến hóa có từ thẩm âm và chiết suất âm bằng tác động ngoại vi dựa trên mô hình lai hóa	PGS.TS. Nguyễn Thị Hiền
4	Đề tài Bộ, mã số B2022 - TNA – 36, Nghiên cứu, chế tạo các nano tinh thể bán dẫn pha tạp các nguyên tố đất hiếm, ứng dụng trong LED phát ánh sáng trắng	PGS.TS. Nguyễn Xuân Ca
5	Đề tài Bộ, mã số B2023 - TNA – 08, Chế tạo, nghiên cứu các tính chất quang và từ của vật liệu nano CoAl ₂ O ₄ cấu trúc spinel, định hướng ứng dụng trong in màu kỹ thuật số	PGS.TS. Nguyễn Thị Hiền
6	Đề tài Nafosted, mã số 103.03-2020.34, Nghiên cứu và chế tạo vật liệu tổ hợp đa pha điện – từ không chứa chì MFe ₂ O ₄ / Ba _{0.852} Ca _{0.148} Ti _{1-y} Zr _y O ₃ (M = Fe, Co, Ni; y = 0; 0,1)	TS. Nguyễn Văn Khiển
7	Đề tài Nafosted, mã số 103.03-2020.34, Nghiên cứu tổng hợp bột huỳnh quang X ₆ P ₅ Y ₀ Z ₂₀ (X = Sr, Ca, Ba; Y = B, Y, Al); X ₅ Y(PO ₄) ₃ (X = Sr, Ca, Ba; Y = Cl, F) pha tạp Eu và Mn phát xạ xanh, vàng, đỏ có hiệu suất phát xạ cao, ứng dụng trong chế tạo điốt phát quang ánh sáng trắng và đèn huỳnh quang chiếu sáng cho nông nghiệp	TS. Lê Tiên Hà
8	Đề tài Nafosted, mã số 103.03-2020.30, Nghiên cứu sự truyền đa điện tử dưới tác dụng của ánh sáng trong các hệ quang phân tử, hướng tới ứng dụng tạo năng lượng bằng các hệ quang hợp nhân tạo	TS. Trần Thu Trang
9	Đề tài Bộ, mã số B2023 - TNA – 09, Nghiên cứu và chế tạo vật liệu ferrite spinel MFe ₂ O ₄ (M = Fe, Co, Ni) bọc acid xitric ứng dụng hấp phụ kim loại nặng trong nước	TS. Nguyễn Văn Khiển
10	Đề tài Bộ, mã số B2023 - TNA – 05, Nghiên cứu chế tạo cảm biến huỳnh quang dựa trên nano kim loại quý để ứng dụng phát hiện nhanh thuốc trừ sâu.	TS. Trần Thu Trang
11	Nghiên cứu chế tạo và khảo sát tính chất nhiệt của chất lỏng nano chứa vật liệu tổ hợp nano cacbon/hạt	PGS.TS. Nguyễn Văn Hào



TT	Mã số, tên đề tài	Chủ nhiệm
	nano kim loại (AgNPs, AuNPs, CuNPs) bằng phương pháp plasma lỏng định hướng ứng dụng trong các thiết bị truyền dẫn nhiệt	
12	Đề tài Nafosted, mã số 103.01-2021.109 Nghiên cứu tương tác điện tử s-d trong các cụm nguyên tử vàng Aun ($n \leq 20$) pha tạp với nguyên tử kim loại chuyển tiếp nhóm 4d bằng phương pháp hiếm hàm mật độ	PGS.TS. Nguyễn Văn Đăng
13	Đề tài Nafosted, mã số 103.03-2020.43, Nghiên cứu hiệu ứng quang nhiệt của các đơn hạt nano quang plasmon trong các môi trường phức hợp và trong tế bào ung thư	PGS.TS. Vũ Xuân Hoà
14	Nghiên cứu giải pháp phát triển sinh kế thích ứng và giảm thiểu rủi ro thiên tai tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam	PGS.TS. Kiều Quốc Lập (Chủ nhiệm)
15	Đánh giá và phân vùng rủi ro thiên tai phục vụ phát triển kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh một số vùng kinh tế trọng điểm phía Tây khu vực Bình Trị Thiên	TS. Bùi Anh Tuấn (Chủ nhiệm), PGS.TS. Kiều Quốc Lập (thành viên chính)
16	Nghiên cứu chuyên hoá rác thải công nghiệp dệt may tạo thành than có giá trị ứng dụng cho đa mục đích bằng công nghệ nhiệt phân yếm khí tuần hoàn không phát sinh ô nhiễm môi trường	ThS Hoàng Trung Kiên (chủ nhiệm), TS Vi Thuý Linh thành viên chính.
17	Nghiên cứu xử lý một số chất ô nhiễm hữu cơ trong nước thải dệt nhuộm bằng công nghệ ozone kết hợp xúc tác nano CaFe_2O_4 và ZnO -tro bay	PGS.TS. Hoàng Văn Hùng (chủ nhiệm), PGS.TS. Văn Hữu Tập (thành viên chính)
18	Nghiên cứu xử lý một số kim loại nặng trong đất (bao gồm cation và anion: Pb, Cd, Cr) bằng vật liệu hấp phụ zeolite lưỡng cực (Mg/Al LDH-zeolite)	PGS.TS. Văn Hữu Tập (Chủ nhiệm)
19	Nghiên cứu chế tạo vật liệu xúc tác nano tổ hợp ZnO-TiO_2 và peroxymonosunfat (PMS) cho quá trình ozon, ứng dụng cho xử lý các thành phần ô nhiễm hữu cơ trong nước rỉ rác và nước thải chăn nuôi.	ThS Lưu Thị Cúc (chủ nhiệm), PGS.TS. Văn Hữu Tập (thành viên chính)
20	Thu hồi amoni từ nước thải mô phỏng nồng độ cao bằng phương pháp stripping li tâm (Đề tài thuộc Chương trình: Hỗ trợ nghiên cứu viên cao cấp cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)	GS.TS. Trịnh Văn Tuyên (chủ nhiệm), PGS.TS. Văn Hữu Tập (thành viên chính)
21	Phân tích dạng hóa học của các kim loại nặng trong các mẫu đất ở khu vực khai thác quặng và sử dụng than sinh học để xử lý chúng Mã số: B2020-TNA-15	Vương Trường Xuân
22	Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano composit trên cơ sở nano sắt từ oxit ứng dụng để xử lý một số chất hữu cơ khó phân hủy trong môi trường nước” B2023-TNA-27	TS. Bùi Minh Quý
CẤP ĐẠI HỌC		
1	Đánh giá việc thực hiện Khoản 1 điều 79 Luật Bảo	ThS Nguyễn Thu Hường (chủ

TT	Mã số, tên đề tài	Chủ nhiệm
	vệ Môi trường tại tỉnh Bắc Kạn trong thu gom rác thải sinh hoạt.	nhiệm), TS Vi Thuỳ Linh (thành viên chính)
2	Nghiên cứu đặc trưng và ứng dụng của vật liệu nanocomposite $\text{BiFeO}_3\text{-CoFe}_2\text{O}_4$ tổng hợp bằng phương pháp thủy nhiệt, DH2021-TN06-01; 2021-2023	Bùi Minh Quý
3	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu lai nano ferit từ - bạc và định hướng ứng dụng trong lĩnh vực y – sinh. Mã số: ĐH2018-TN06-03	Nguyễn Thị Ngọc Linh
4	Xác định hàm lượng kim loại nặng trong một số loại thảo dược sử dụng phổ biến tại Việt Nam Mã số: ĐH2017-TN06-02	Vương Trường Xuân
CẤP TỈNH VÀ DOANH NGHIỆP		
1	ĐT/NN/10/2023, “Nghiên cứu xây dựng một số mô hình xử lý chất thải hữu cơ tại khu vực nông thôn phục vụ phát triển kinh tế và xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”.	ThS. Vũ Thanh Sắc
2	Xây dựng Cơ sở dữ liệu Hệ thống tin địa lý phục vụ công tác quản lý bảo tồn Công viên địa chất toàn cầu Non Nước – Cao Bằng theo quy hoạch mở rộng	TS. Nguyễn Diệu Trinh (Chủ nhiệm), PGS.TS. Kiều Quốc Lập (thành viên chính)
3	Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ lò đốt nhiệt phân để sản xuất than sinh học từ nguồn phụ phẩm sau chế biến gỗ nhằm phát triển nông nghiệp bền vững tại Thái Nguyên. Mã số: DA/KTCN/13/2022	TS. Nguyễn Duy Hải (chủ nhiệm), PGS.TS. Văn Hữu Tập (thành viên chính)
CẤP CƠ SỞ		
1	CS2023-TN06-03, Về một số bất biến của môđun hữu hạn sinh trên vành Noether địa phương	Phạm Hồng Nam
2	CS2023-TN06-09, Nghiên cứu tính chất quang của các ion đất hiếm trong các nano tinh thể bán dẫn và mạng nền thủy tinh.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Ca
3	CS2023-TN06-11, Nghiên cứu khả năng hấp thụ sóng vi ba của vật liệu nền hexaferit loại M ($\text{BaFe}_{12}\text{O}_{19}$) pha tạp kim loại chuyển tiếp	TS. Nguyễn Văn Khiển
4	CS2023-TN06-12, Nghiên cứu chế tạo cảm biến huỳnh quang phát hiện nhanh thuốc trừ sâu dựa trên cơ chế ức chế enzyme	TS. Trần Thu Trang
5		
6	CS2023-TN06-13, Ảnh hưởng của sự thay đổi trật tự và độ dày lớp hấp thụ lên khả năng hấp thụ sóng điện từ của vật liệu đa lớp nền $\text{BaFe}_{12}\text{O}_{19}$	TS. Chu Thị Anh Xuân
7	CS2023-TN06-14, Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các cấu trúc nano bán dẫn - lưỡng kim loại nhằm làm cảm biến hóa học ứng dụng trong tán xạ Raman tăng cường bề mặt và xúc tác quang	PGS.TS. Vũ Xuân Hoà
8	CS2023-TN06-10, Nghiên cứu chế tạo vật liệu thủy tinh đồng pha tạp Er-Nd-Bi định hướng ứng dụng	TS. Lê Tiến Hà

TT	Mã số, tên đề tài	Chủ nhiệm
	trong lĩnh vực khuếch đại sợi quang	
9	Ứng dụng GIS và viễn thám xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý phục vụ đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường khu vực miền núi phía Bắc	PGS.TS. Kiều Quốc Lập (Chủ nhiệm)
10	Đánh giá rủi ro kinh tế - xã hội – môi trường việc thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp khu vực thành phố Thái Nguyên	ThS Nguyễn Thị Bích Liên (chủ nhiệm), TS Vi Thuý Linh thành viên chính
11	Nghiên cứu phát triển kinh tế du lịch gắn với tài nguyên dược liệu tại khu vực xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.	TS. Vi Thuý Linh (Chủ nhiệm)
12	Nghiên cứu giá trị và khả năng chi trả dịch vụ môi trường rừng tại khu vực miền núi phía Bắc.	TS. Nguyễn Thị Đông (Chủ nhiệm)
13	Nghiên cứu tiềm năng phát triển bền vững sinh kế cho cộng đồng địa phương dựa vào hệ sinh thái rừng tại huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên	TS. Nguyễn Thị Phương Mai (Chủ nhiệm)
14	Nghiên cứu chế tạo các đế tán xạ Raman tăng cường bề mặt từ các cấu trúc nano kim loại hai thành phần Ag/Au bất đẳng hướng nhằm ứng dụng phát hiện các chất màu hữu cơ ở nồng độ thấp Mã số CS2020-TN06-14	Phạm Thị Thu Hà
15	Nghiên cứu chế tạo các cảm biến hóa học trên cơ sở cấu trúc nano bán dẫn - kim loại nhằm phát hiện nhanh một số chất hữu cơ độc hại bằng phương pháp tán xạ Raman tăng cường bề mặt Mã số: CS2021-TN06-11	Phạm Thị Thu Hà
16	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano CoFe_2O_4 pha tạp Ag định hướng ứng dụng trong lĩnh vực y sinh Mã số CS2021-TN06-12	Trương Thị Thảo
17	Nghiên cứu chế tạo hệ keo trên nền nano kim loại quý (Ag/Au) định hướng ứng dụng trong y sinh. Mã số: CS2021-TN06-17	Nguyễn Thị Ngọc Linh
18	Nghiên cứu phân tích một số hợp chất POPs trong bụi đường, đất ở khu vực nông nghiệp và sản xuất công nghiệp CS2020-TN06-11	Nguyễn Thị Thu Thúy
19	Đặc trưng phân bố của 12 hợp chất chlorobenzenes và một số kim loại nặng trong thải lò đốt và bụi đường đô thị CS2023-TN06-07	Nguyễn Thị Thu Thúy
20	Tổng hợp xanh vật liệu nano kim loại sử dụng dịch chiết thực vật, ứng dụng trong cảm biến màu và y sinh CS2023-TN06-06	Khiếu Thị Tâm
21	Nghiên cứu khả năng cố định kim loại nặng trong đất ô nhiễm bằng than sinh học điều chế từ phụ phẩm nông nghiệp	Vương Trường Xuân

2.4.3. Các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu

- Nhà trường có đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn học liệu để phục vụ tốt cho quá trình đào tạo.

- Nghiên cứu sinh được tham gia các Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước để học hỏi, báo cáo các kết quả nghiên cứu đạt được.

- Nghiên cứu sinh có thể xin học bổng từ các cơ sở đào tạo khác, các tổ chức trong và ngoài nước.

2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm

Tuyển sinh 02 đợt/năm tương ứng với 02 đợt tuyển sinh sau đại học của Đại học Thái Nguyên.

2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định.

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính: theo quy định.

2.8. Các nội dung khác

2.8.1. Hồ sơ đăng ký dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu quy định);

b) Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú. Sơ yếu lý lịch phải dán ảnh của người đăng ký dự tuyển và đóng dấu giáp lai của cơ quan, đơn vị hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú;

c) Bản sao (có công chứng) bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học hoặc phụ lục văn bằng; bằng tốt nghiệp và bằng điểm thạc sĩ hoặc phụ lục văn bằng;

d) Bản sao chụp bìa, mục lục và toàn văn các bài báo, báo cáo khoa học đã công bố. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có);

đ) Đề cương nghiên cứu (theo mẫu quy định);

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;

f) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

g) Bản sao có công chứng văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ;

h) 03 ảnh chân dung mới chụp cỡ 4 x 6 và 02 phong bì có dán tem và ghi địa chỉ của người nhận (để Nhà trường gửi thông báo trúng tuyển và nhập học);

Người có nguyện vọng đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học liên hệ với bộ phận phụ trách sau đại học để nhận mẫu Hồ sơ đăng ký dự tuyển; Khai, xác nhận, hoàn chỉnh hồ sơ và nộp cho Nhà trường theo đúng thời gian quy định.

Lệ phí đăng ký dự tuyển theo quy định của nhà nước.

2.8.2. Thời gian và hình thức đào tạo

Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm

(48 tháng). Thời gian đào tạo tính từ khi có quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.1.1. Hệ thống phòng học, trang thiết bị

Tổng diện tích sàn xây dựng của Nhà trường là 78.039 m², trong đó 39.31 m² phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Nhà trường rất chú trọng đầu tư, xây dựng, sửa chữa và nâng cấp 02 giảng đường và xây dựng hệ thống hàng rào bảo vệ, hoàn chỉnh hệ thống sân vườn khu vực Nhà Hiệu bộ, khuôn viên giảng đường, ký túc xá NCS ngày càng khang trang, sạch đẹp.

Hiện nay, Trường có 24 phòng thí nghiệm, 07 phòng thực hành, 01 xưởng thực tập, 02 Hội trường, 33 phòng học, 01 thư viện, 01 phòng học đa năng phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và hội họp, 52 phòng làm việc dành cho Ban Giám hiệu, các phòng chức năng và tổ chức đoàn thể.

Nhà trường hiện có 315 bộ (Máy server, Desktop và Laptop) phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý, hầu hết máy tính đã được nối mạng nội bộ và internet. Hạ tầng mạng của nhà trường: có 04 đường truyền ADSL cáp quang kết nối mạng internet phục vụ 24 giờ/ngày. Hệ thống mạng không dây phủ sóng nhà điều hành, phòng thí nghiệm và ký túc xá SV. 100% CBVC có địa chỉ Email tên miền riêng của nhà trường và sử dụng tin nhắn SMS để triển khai công việc và thông báo thông tin cần thiết.

Bảng 11. Đầu tư trang thiết bị của Trường Đại học Khoa học từ năm 2016 đến nay

TT	Nội dung	Mức đầu tư (triệu đồng)
I	Dự án phòng thí nghiệm trọng điểm	
1	Đầu tư trang thiết bị cho phòng thí nghiệm công nghệ môi trường	24.997,903
2	Đầu tư trang thiết bị cho phòng thí nghiệm công nghệ sinh học	25.069,560
3	Phòng Thí nghiệm Hóa công nghệ và Hóa dược	18.857
4	Trung tâm Thí nghiệm thực hành Khoa học Sự sống	11.648
5	Phòng Thí nghiệm vật lý chất rắn	7.150
6	Phòng Thí nghiệm phân tích môi trường và vườn địa lý	212.971,140
II	Dự án tăng cường năng lực	
1	Phòng Thực hành tin học	937
2	Phòng Thí nghiệm Hóa hữu cơ ứng dụng kỹ thuật và công nghệ vật liệu	15.330
3	Phòng Thí nghiệm sinh học y dược	5.528

Tổng diện tích xây dựng: 23.614,1 m²; Trong đó :

+ Diện tích phòng học, giảng đường: 7.730 m²

+ Diện tích thư viện: 158,2 m²

- + Diện tích phòng thí nghiệm: 1.740,6 m²
- + Diện tích phòng thực hành: 85 m²
- + Diện tích khu thí nghiệm, khí tượng: 324 m²
- + Diện tích nhà lưới phục vụ nuôi cấy mô và tế bào thực vật: 100m²
- + Diện tích phòng máy vi tính: 290 m²
- + Diện tích phòng học ngoại ngữ: 70 m²
- + Diện tích nhà làm việc: 4.806,6 m²
- + Diện tích nhà ở NCS: 7.689,5 m²
- + Diện tích hội trường: 680 m²
- + Sân thể thao: 2.000 m²
- + Vườn hoa, cây cảnh: 3.859,3m²

Tổng số phòng học, giảng đường, thực hành, thí nghiệm.

- + Số giảng đường: 02
- + Số phòng học: 33
- + Số lượng phòng thí nghiệm: 25
- + Số lượng phòng thực hành báo chí: 01
- + Số lượng phòng thực hành du lịch: 02
- + Số lượng phòng thực hành tin học: 05
- + Số lượng phòng học ngoại ngữ: 01

Tổng số phòng làm việc, phòng họp, hội trường.

- + Số phòng làm việc các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm: 55
- + Phòng họp: 04
- + Hội trường: 02

Thiết bị phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

- + Thiết bị trình chiếu: 38 chiếc máy chiếu
- + Máy vi tính: 315 bộ
- + Thiết bị công nghệ cao điển hình thuộc phòng thí nghiệm: Hệ thống máy quang phổ hấp thụ nguyên tử; Máy đo thân kinh; Máy đo bụi tổng số...
- + Hệ thống Mạng LAN và wifi

- Công tác thông tin thư viện: Thực hiện triển khai đề án Thống nhất mô hình thư viện Trường Đại học Khoa học và Trung tâm học liệu & CNTT giai đoạn 2020 – 2025. Thư viện trường phối hợp cùng Trung tâm học liệu với nguồn tài liệu in, tài liệu điện tử dồi dào đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu học liệu cho CBVC, HSSV Nhà trường.

Bảng 12. Thiết bị Công nghệ thông tin của Trường Đại học Khoa học

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng
1	Máy chủ	Cái	4
2	Máy trạm	Cái	302
3	Core Switch	Cái	1
4	Access Switch	Cái	5
5	Firewall	Cái	1

6	Cân bằng tải	Cái	1
7	Switch 24 port	Cái	7
8	Thiết bị lưu trữ NAS	Cái	1
9	Bộ phát sóng wifi	Cái	10
10	Lưu điện	Cái	1
11	Phòng máy thực hành	Cái	5
12	Thuê bao internet	Thuê bao	4
13	Hệ thống chống sét	Hệ thống	1
14	Hệ thống giá sách	Cái	15
15	Máy quét mã vạch	Cái	3
16	Máy in mã vạch	Cái	1

3.1.2. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử trong thư viện)

Thư viện Trường Đại học Khoa học với nguồn học liệu trên 4.637 đầu sách in (tương đương 18.003 cuốn) và gần 2.584 tài liệu điện tử (chiếm 47% nguồn học liệu) được quản lý trên phần mềm ELIB với đầy đủ các chức năng phục vụ việc dạy và học.

Nhà trường kết nối trực tiếp với nguồn học liệu điện tử của TTHL Đại học Thái Nguyên qua website: <http://lib.tnus.edu.vn>; Ở đó có 121.319 cuốn với nhiều lĩnh vực khác nhau từ khoa học xã hội, lịch sử, nhân văn đến khoa học tự nhiên, trái đất, sinh học... trong đó có 27.790 cuốn giáo trình; 9.794 cuốn luận án, luận văn, báo cáo NCKH và tài liệu khác; 46.436 tài liệu điện tử với 3.366 giáo trình điện tử, 8.069 tài liệu chuyên khảo, tham khảo, 8.345 luận văn, luận án, 8.812 kết quả nghiên cứu, 651 bài giảng điện tử, 16.043 bài trích báo, tạp chí, 150 tài liệu nghe nhìn.

Trong thư viện có phòng đọc dành cho NCS, có hệ thống máy tính kết nối mạng phục vụ cho việc tra cứu và tự nhiên nghiên cứu của NCS.

3.2. Danh sách giảng viên đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành

3.2.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

Bảng 13. Danh sách giảng viên cơ hữu ngành Toán ứng dụng

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay
1	Trương Minh Tuyên	PGS.TS	Toán học	02 đề tài cấp Bộ 01 đề tài cấp CS Hơn 30 bài báo
2	Trịnh Thanh Hải	PGS.TS	Khoa học giáo dục	- Chủ nhiệm 01 đề tài Nafosted, Thành viên NC chính 01 đề tài Nafosted

				và 01 đề tài cấp Bộ; - Tác giả chính và đồng tác giả 12 bài trên các tạp chí quốc tế; 04 bài trên các tạp chí trong nước; - Chủ biên 01 sách chuyên khảo, đồng tác giả 06 sách chuyên khảo.
3	Nguyễn Thanh Sơn	TS	Toán ứng dụng	Công bố 09 Bài báo
4	Nguyễn Song Hà	TS	Toán Giải tích	Chủ nhiệm 01 Đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 đề tài cấp ĐH Công bố 08 Bài báo
5	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TS	Toán Giải tích	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Đại học Công bố 10 bài báo SCIE
6	Dương Thị Việt An	TS	Toán ứng dụng	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Đại học Công bố 10 bài báo SCIE
7	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	TS	Phương trình vi phân và tích phân	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Bộ; Công bố 07 bài báo ISI/Scopus Xuất bản 01 sách

Bảng 14. Danh sách giảng viên cơ hữu ngành Đại số và lý thuyết số

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay
1	Mai Viết Thuận	PGS.TS	Toán học	Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp Bộ Công bố 35 bài báo SCIE
2	Nông Quốc Chinh	PGS.TS	Toán học	Công bố 01 bài báo
3	Nguyễn Thu Hằng	TS	Đại số và Lý thuyết số	Công bố 05 bài báo Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở Chủ nhiệm 01 đề tài Sau tiến sĩ thuộc Viện Toán học, Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam
4	Phạm Hồng Nam	TS	Đại số và Lý thuyết số	Chủ nhiệm 01 Đề tài NCKH cấp Bộ; Công bố 08 Bài báo
5	Ngô Văn Định	TS	Đại số và Lý thuyết số	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Đại học Công bố 02 bài báo, xuất bản 02 sách/giáo trình

Bảng 15. Danh sách giảng viên cơ hữu ngành Hóa học

TT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Ngành tốt nghiệp	Số lượng Đề tài NCKH bài báo liên quan đến ngành từ 2018 đến nay
1.	Phạm Thế Chính	PGS.TS	Hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh, 01 đề tài nafosed đã nghiệm thu đạt loại tốt, 02 đề tài cấp bộ và tham gia nhiều đề tài các cấp khác. - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 25 bài báo ISI, 45 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
2	Nguyễn Đình Vinh	PGS.TS	Hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, 02 đề tài cấp đại học, 1 đề tài cấp cơ sở và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 30 bài báo quốc tế ISI, 02 bài báo quốc tế khác và 30 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
3	Vương Trường Xuân	PGS.TS	Hóa Phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài Nafosed và 01 đề tài cấp Đại học; 01 dự án Quốc tế - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 12 bài báo ISI, 01 bài báo quốc tế khác và 20 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
4	Phạm Thị Thu Hà	PGS.TS	Hóa phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm (chủ nhiệm 01 đề tài cấp nhà nước, 02 đề tài cấp cơ sở) và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 18 bài báo quốc tế ISI/Scopus, 18 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
5	Bùi Minh Quý	TS	Hóa lý- hóa lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, 1 đề tài cấp đại học, 1 đề tài cấp cơ sở và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 17 bài báo quốc tế ISI, 01 bài báo quốc tế khác và 32 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín

6.	Khiếu Thị Tâm	TS	Hóa Hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 7 bài báo quốc tế ISI, 01 bài quốc tế khác, 8 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
7.	Nguyễn Thị Thu Thúy	TS	Hóa Phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 15 bài báo quốc tế ISI, 25 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
8.	Nguyễn Thị Hồng Hoa	TS	Hóa lý- hóa lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp đại học, 02 đề tài cấp cơ sở và tham gia nhiều đề tài các cấp khác. - Là đồng tác giả công trình 05 bài báo quốc tế ISI, 20 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín.
9.	Nguyễn Thị Ngọc Linh	TS	Hóa vô cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp đại học, 2 đề tài cấp cơ sở; - Là tác giả hoặc là đồng tác giả 16 bài báo quốc tế ISI, 30 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín.
10.	Trương Thị Thảo	TS	Hóa lý- hóa lý thuyết	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 02 Đề tài cấp ĐH; 01 đề tài Cấp Cơ sở; tham gia nhiều đề tài cấp Cơ sở, cấp Đại học, cấp Bộ, đề tài Nafosted; - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 08 bài báo quốc tế ISI, 17 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín, nhiều báo cáo Hội thảo khoa học trong và ngoài nước. - Chủ biên 02 sách-giáo trình (NXB ĐHTN), 02 chương sách của NXB Elsevier
11	Phan Thanh Phương	TS	Hóa phân tích	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh và tham gia nhiều đề tài cấp cơ sở - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 01 bài báo quốc tế ISI, 05 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
12	Hoàng Lâm	TS	Hóa nông nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp tỉnh và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 05 bài báo quốc tế ISI,



				bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
13	Lưu Tuấn Dương	TS	Kỹ thuật môi trường	- Chủ nhiệm 01 đề tài Cấp Đại học Thái Nguyên, tham gia 01 đề tài cấp Bộ - Đăng 08 bài báo trên các tạp chí quốc gia
14	Vũ Tuấn Kiên	TS	Hóa hữu cơ	- 04 bài báo quốc tế và 1 bài tạp chí trong nước

Bảng 16. Danh sách giảng viên cơ hữu ngành Hóa sinh học

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay
1	Nguyễn Phú Hùng	PGS.TS	Sinh học TB và sinh lý bệnh	- Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, một đề tài cấp tỉnh, 01 đề tài Nafosted đã nghiệm thu đạt trở lên. 01 sách chuyên khảo, - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 50 bài báo khoa học trong nước và quốc tế danh mục ISI/Scopus
2	Nguyễn Thị Hải Yến	PGS.TS	Sinh học	- Chủ nhiệm 2 đề tài (1 cấp CS, 1 cấp bộ), và tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả 10 bài báo ISI/scopus trong đó có 5 bài là tác giả chính, 01 báo quốc tế khác và trên 20 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
3	Lê Thị Thanh Hương	PGS.TS	Thực vật học	- Chủ nhiệm 01 đề tài cấp cấp cơ sở, 02 sách chuyên khảo, Thành viên 2 đề tài Nafosted. - Là tác giả công trình 4 bài báo quốc tế ISI/Scopus và 30 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
4	Hoàng Thị Thu Yến	PGS.TS	Di truyền học	- Chủ nhiệm 3 đề tài cấp cấp bộ và đại học, và tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả 20 bài báo ISI/scopus trong đó có 5 bài là tác giả chính, 01

				báo quốc tế khác và trên 20 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
5	Vũ Thị Lan	TS	Công nghệ sinh học thực vật	- Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Đại học, 05 đề tài cơ sở, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 02 bài báo quốc tế ISI/Scopus, 01 bài báo quốc tế khác và 30 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín
6	Nguyễn Thị Hương	TS	Sinh học phân tử và tế bào	- Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 13 bài báo quốc tế ISI/Scopus/ tạp chí quốc gia uy tín
7	Trương Phúc Hưng	TS	Vi sinh vật - ký sinh trùng	- Chủ nhiệm 1 đề tài cấp cơ sở, tham gia 3 đề tài cấp nhà nước, 2 đề tài nafosted, 2 đề tài cấp tỉnh. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 9 bài báo quốc tế ISI/Scopus/ tạp chí quốc gia uy tín
8	Trịnh Ngọc Hoàng	TS	Vi sinh vật	Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 7 bài báo quốc tế ISI/Scopus/ tạp chí quốc gia uy tín
9	Trương A Tài	TS	Sinh học phân tử và tế bào	- Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 28 bài báo quốc tế ISI/Scopus

Bảng 17. Danh sách giảng viên cơ hữu ngành Quang học

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay
1	Nguyễn Văn Hào	PGS.TS	Quang học	- Chủ trì 01 đề tài cấp Bộ và 02 đề tài cấp cơ sở; - Tham gia 02 đề tài quỹ Nafosted; 01 đề tài cấp Nhà nước thuộc Chương trình phát triển Vật lý tới 2020 và 02 đề tài cấp Bộ; - Công bố: 26 bài báo ISI; 10 bài báo trong nước; 05 bài báo Hội nghị quốc tế/ quốc gia
2	Vũ Xuân Hoà	PGS.TS	Vật liệu đồng đặc và quang giao thoa	Chủ trì 01 đề tài Nafosted, 01 đề tài cấp Bộ - Tham gia 01 đề tài Bộ, 01 ĐT Nafosted và 01 đề tài cấp ĐHTN

				- Công bố 49 bài báo (trong đó có 32 bài báo uy tín ISI, 2 bài tạp chí quốc tế khác và 15 bài Tạp chí QG)
3	Nguyễn Xuân Ca	PGS.TS	Vật lý chất rắn	Chủ trì 02 đề tài Nafosted, 01 đề tài cấp Bộ - Tham gia 03 đề tài Nafosted, 02 Bộ và 01 đề tài cấp ĐHTN - Công bố 79 bài báo (trong đó có 51 bài báo uy tín ISI)
4	Nguyễn Thị Hiền	PGS.TS	Khoa học Vật liệu	Chủ trì 02 đề tài Nafosted; 02 đề tài cấp Bộ GD&ĐT; 02 đề tài cấp ĐHTN - Tham gia 03 đề tài Nafosted - Công bố 60 bài báo (trong đó có 30 bài báo uy tín ISI; 05 bài Scopus; 25 bài tạp chí Quốc gia)
5	Nguyễn Văn Đăng	PGS.TS	Khoa học Vật liệu	- Chủ trì 01 đề tài thuộc chương trình phát triển Vật lý 2020, 02 Nafosted và 02 đề tài cấp Bộ GD&ĐT - Tham gia 03 đề tài quỹ Nafosted - Công bố 75 bài báo (trong đó có 53 bài báo uy tín ISI)
6	Lê Tiến Hà	PGS.TS	Quang điện tử	- Chủ trì 01 đề tài Nafosted, 01 đề tài cấp bộ - Tham gia 02 đề tài Nafosted, 03 cấp Bộ GD&ĐT - Công bố 26 bài báo (19 bài báo uy tín ISI và 02 bài tạp chí Scopus)
7	Chu Thị Anh Xuân	TS	Khoa học Vật liệu	- Chủ trì 01 đề tài Cấp Bộ GD&ĐT; 01 đề tài cấp ĐHTN; 01 đề tài cơ sở - Tham gia 04 đề tài trong quỹ phát triển Nafosted - Công bố 30 bài báo (19 bài báo uy tín ISI và 11 bài báo tạp chí trong nước.
8	Nguyễn Thị Luyên	TS	Vật liệu và linh kiện nano	- Chủ trì 02 đề tài Cấp Bộ GD&ĐT. - Tham gia 03 đề tài trong quỹ phát triển Nafosted; 01 đề tài nghị định thư - Công bố 22 bài báo (08 bài báo uy tín ISI và 03 bài Scopus), 11 bài tạp chí cấp Đại học.
9	Nguyễn Văn Khiên	TS	Khoa học Vật liệu	- Chủ trì 01 đề tài Nafosted; 01 đề tài cấp bộ; 03 đề tài cấp cơ sở - Tham gia 07 đề tài trong quỹ phát triển Nafosted; 03 đề tài cấp bộ. - Công bố 24 bài báo (17 bài báo uy tín ISI và 07 bài tạp chí cấp Đại học)
10	Trần Thu Trang	TS	Hoá-Lý	- Chủ trì 01 đề tài Nafosted, 01 ĐT cấp Bộ. - Tham gia 02 đề tài cấp Bộ GD&ĐT - Công bố 16 bài báo (14 bài báo uy tín ISI và 02 bài tạp chí Scopus)

11	Lê Văn Hoàng	TS	Quang học, quang điện tử	- Tham gia 02 đề tài trong quỹ phát triển Nafosted, 02 đề tài cấp Viện Hàn Lâm; 02 đề tài hợp tác quốc tế - Công bố 10 bài báo (06 bài báo uy tín ISI; 01 bài scopus và 03 bài tạp chí cấp Đại học)
12	Nguyễn Thị Dung	TS	Khoa học Vật liệu	- Chủ trì 01 đề tài KHCN cấp Bộ Giáo dục; Tham gia 01 đề tài Nhà nước; 06 đề tài Nafosted; 02 đề tài KHCN Bộ Giáo dục; 02 đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. - Công bố 15 bài báo ISI; 04 bài quốc tế khác; 06 bài báo tạp chí trong nước; và 09 bài báo Hội nghị quốc tế/ quốc gia.

Bảng 18. Danh sách giảng viên cơ hữu ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay
1	Ngô Văn Giới	PGS.TS	Khoa học môi trường	- Chủ nhiệm và tham gia 5 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 12 bài báo khoa học trong và ngoài nước.
2	Kiều Quốc Lập	PGS.TS	Quản lý tài nguyên	- Chủ nhiệm và tham gia 5 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 20 bài báo khoa học trong và ngoài nước.
3	Văn Hữu Tập	PGS.TS	Khoa học môi trường	- Chủ nhiệm và tham gia 10 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 25 bài báo khoa học trong và ngoài nước.
4	Chu Thành Huy	TS	QL Tài nguyên và môi trường	- Chủ nhiệm và tham gia 02 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 10 bài báo khoa học trong và ngoài nước
5	Nguyễn Thị Phương Mai	TS	Quản lý tài nguyên	- Chủ nhiệm và tham gia 2 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 8 bài báo khoa học trong và ngoài nước
6	Vi Thùy Linh	TS	Khoa học Môi trường	- Chủ nhiệm và tham gia 3 đề tài, dự án các cấp - Đăng 10 bài báo
7	Nguyễn Anh Hùng	TS	Sinh thái học và Tài nguyên sinh vật	- Chủ nhiệm và tham gia 2 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 8 bài báo khoa học trong và ngoài nước
8	Nguyễn Thị Đông	TS	Khoa học môi trường	- Chủ nhiệm và tham gia 4 đề tài các cấp; - Đăng 13 bài báo khoa học trong và ngoài nước - Đồng tác giả 02 giáo trình

9	Đỗ Thị Vân Hương	TS	Địa lý	- Chủ nhiệm và tham gia 3 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 17 bài báo khoa học trong và ngoài nước
10	Phan Phạm Chi Mai	TS	Quản lý tài nguyên	- Chủ nhiệm và tham gia 3 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 8 bài báo khoa học trong và ngoài nước.
11	Đặng Văn Minh	GS.TS	Quản lý đất đai	- Chủ nhiệm và tham gia 6 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 15 bài báo khoa học trong và ngoài nước.
12	Hoàng Văn Hùng	PGS.TS	Khoa học môi trường	- Chủ nhiệm và tham gia 5 đề tài, dự án các cấp; - Đăng 18 bài báo khoa học trong và ngoài nước.

3.2.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Bảng 19. Danh sách giảng viên thỉnh giảng ngành Đại số và Lý thuyết số

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay	Đơn vị công tác
1	Lê Thị Thanh Nhân	GS.TS	Đại số và lý thuyết số	Chủ nhiệm 01 đề tài cấp nhà nước; Công bố 08 bài báo trên WoS	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Nguyễn Xuân Thọ	TS	Đại số và lý thuyết số	Công bố 33 bài báo thuộc danh mục WoS	Đại học Bách Khoa Hà Nội
3	Trần Nguyên An	PGS.TS	Đại số và lý thuyết số	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Bộ; Công bố 05 bài báo quốc tế; Xuất bản 04 sách giáo trình và chuyên khảo	Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Bảng 20. Danh sách giảng viên thỉnh giảng ngành Toán ứng dụng

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Thị Thu Thủy	PGS.TS	Toán học tính toán	Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp Bộ; Công bố 19 bài báo quốc tế	Đại học Bách Khoa Hà Nội
2	Đinh Diệu Hằng	TS	Toán Giải tích	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp cơ sở và 01	Trường ĐHCNTT&TT

				đề tài NCKH cấp ĐH Công bố 13 bài báo SCIE	
3	Vũ Thị Hương	TS	Toán ứng dụng	Chủ nhiệm 03 đề tài NCKH cấp cơ sở Công bố 10 bài báo	Viện Toán học
4	Nguyễn Hữu Sáu	TS	Phương trình vi phân và tích phân	Công bố 27 bài báo SCIE	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội
5	Nguyễn Trường Thanh	PGS.TS	Phương trình vi phân và tích phân	Công bố 12 bài báo SCIE	Đại học Bách Khoa Hà Nội
6	Nguyễn Văn Tuyên	PGS.TS	Toán Giải tích	Chủ nhiệm 02 đề tài NCKH cấp Bộ, 02 đề tài NCKH cấp Cơ sở; Công bố 20 bài báo quốc tế	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Bảng 21. Danh sách giảng viên thỉnh giảng ngành Hóa sinh học

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghệ TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay	Đơn vị công tác
1.	Lương Thị Hồng Vân	PGS.TS	Hóa sinh	- Chủ nhiệm 04 đề tài cấp bộ, Tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 20 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín	Viện Khoa học sự sống, ĐHTN
2.	Chu Hoàng Mậu	GS. TS.	Di truyền học	- Chủ nhiệm 01 đề tài nhà nước, 02 đề tài cấp bộ, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 20 bài báo quốc tế ISI/Scopus, bài báo quốc tế khác và 30 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín	Trường ĐH Sư phạm - ĐHTN
3.	Nguyễn Thị Hoa	PGS.TS	Hóa sinh Y học	- Chủ nhiệm 03 đề tài cấp bộ/ đại học, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 10 bài báo quốc tế	Trường Đại học Y dược – ĐHTN

				ISI/Scopus, bài báo trên tạp chí quốc gia	
4.	Chu Hoàng Hà	GS.TS.	Sinh học phân tử	- Chủ nhiệm 02 đề tài nhà nước và 01 cấp bộ, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 15 bài báo quốc tế ISI/Scopus và 70 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín	Viện Công nghệ Sinh học
5.	Nguyễn Trung Nam	TS	Sinh học phân tử	- Chủ nhiệm 05 đề tài cấp nhà nước/bộ, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 45 bài báo quốc tế ISI/Scopus/bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín	Viện Công nghệ Sinh học
6.	Đỗ Thi Tuyên	PGS.TS.	Hóa sinh học	- Chủ nhiệm 02 đề tài cấp bộ và nhà nước, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 3 bài báo quốc tế ISI/Scopus và báo quốc tế khác và 24 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín	Viện Công nghệ Sinh học
7.	Nguyễn Tiến Dũng	PGS.TS	Khoa học cây trồng	- Chủ nhiệm 5 đề tài cấp nhà nước và bộ, 01 đề tài CS. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 4 bài báo quốc tế ISI/Scopus, và 44 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín	Trường Đại học Nông lâm- ĐHTN
8.	Phạm Văn Khang	PGS.TS	Hóa học	- Chủ nhiệm 03 đề tài cấp bộ và nhà nước/ Đại học, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 30 bài báo quốc tế ISI/Scopus/bài báo trên tạp chí quốc gia	Trường ĐH Sư phạm - ĐHTN

				uy tín	
9.	Đỗ Tiến Phát	TS	Di truyền và sinh học thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ và 01 cấp nhà nước, 03 đề tài cấp cơ sở, tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp khác. - Là tác giả hoặc đồng tác giả công trình 11 bài báo quốc tế ISI/Scopus và 60 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín 	Viện Công nghệ Sinh học

Bảng 21. Danh sách giảng viên thỉnh giảng ngành Quang học

TT	Họ và tên	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay	Đơn vị công tác
1	Phan Văn Độ	PGS.TS	Vật lý chất rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nhiệm 02 đề tài Nafosted, 01 đề tài trọng điểm của trường ĐHTL; tham gia 4 đề tài Nafosted và 02 đề tài trọng điểm của trường. - Công bố 45 bài báo ISI 	Trường Đại học Thủy Lợi
2	Đặng Văn Thành	PGS.TS	Khoa học vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì 02 đề tài Nafosted. - Công bố: 30 bài báo ISI; 04 bài báo Scopus; 10 bài báo trong nước; 06 bài báo Hội nghị quốc tế/ quốc gia 	Trường Đại học Y Dược - ĐHTN
3	Phạm Văn Trình	TS	Khoa học vật liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì 01 đề tài Nafosted và 01 đề tài cấp Viện Hàn lâm KHCN VN. - Công bố: 30 bài báo ISI; 04 bài báo Scopus; 03 bài báo trong nước; 06 bài báo Hội nghị quốc tế/ quốc gia 	Viện Khoa học Vật liệu – Viện HLKHCN VN
4	Phạm Minh Tân	TS	Vật lý chất rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: 01 đề tài Nafosted, 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp ĐHTN, 04 đề tài cấp cơ sở; - Tham gia: 03 đề tài Nafosted, 02 đề tài cấp Bộ; 01 đề tài cấp ĐHTN; 01 đề tài cấp cơ sở. 	Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp - ĐHTN

				- Công bố 53 bài báo (trong đó có 24 bài báo uy tín ISI)	
5	Lê Văn Long	TS	Khoa học vật liệu	- Chủ trì: 01 đề tài cấp VAST và 01 đề tài cấp cơ sở; - Tham gia: 04 đề tài cấp VAST và cơ sở khác - Công bố trên 30 bài báo uy tín ISI	Viện Khoa học Vật liệu – Viện HLKHCN VN
6	Nguyễn Văn Trường	TS	Khoa học vật liệu	- Chủ trì: 01 đề tài cấp cơ sở; 01 đề tài KHCN cấp Bộ 2024 - Tham gia: 01 đề tài cấp Bộ và 01 đề tài Nafosted. - Công bố gần 30 bài báo uy tín ISI	Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp - ĐHTN

Bảng 21. Danh sách giảng viên thỉnh giảng ngành Hóa học

TT	Họ và tên	Học hàm, Học vị	Ngành tốt nghiệp	Số lượng Đề tài NCKH bài báo liên quan đến ngành từ 2018 đến nay	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Văn Tuyền	GS. TS	Hóa hữu cơ	6 bằng sáng chế, 4 giáo trình, 2 sách chuyên khảo, 4 chương sách quốc tế và hơn 170 bài báo SCIE trong lĩnh vực tổng hợp hữu cơ.	Viện Hóa học - Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam
2	Dương Nghĩa Bang	PGS. TS	Hóa hữu cơ	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 20 bài báo ISI, 12 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín; Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ; 01 đề tài cấp tỉnh; 03 đề tài cấp đại học;	Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước
3	Từ Bình Minh	PGS. TS	Hóa phân tích	Là tác giả chính hơn 100 bài báo ISI; 20 bài ISI uy tín	Trường Đại học Tự Nhiên- ĐHQGHN
4	Lê Trọng Lưu	TS	Hóa vật liệu	Chủ nhiệm 1 đề tài quỹ Nafosted, 1 đề tài Vast; công bố 36 bài báo quốc tế, 29 bài báo trong nước.	Viện kỹ thuật nhiệt đới- Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
5	Trần Đại Lâm	GS.TS	Hóa lý	Chủ nhiệm 02 đề tài KHCN cấp Nhà nước, 08	Viện kỹ thuật nhiệt đới- Viện

				<p>đề tài cấp Bộ và 03 đề tài của Quỹ NAFOSTED (đã nghiệm thu). công bố trên 150 bài trên các tạp chí SCIE, chủ biên của 03 cuốn sách chuyên khảo (nhà xuất bản KH tự nhiên và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCN VN); có 05 bằng sáng chế đã được cấp bằng</p>	Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
6	Phạm Thị Thắm	PGS.TS	Hóa hữu cơ	<p>01 đề tài nafosed đã nghiệm thu đạt loại tốt, 02 đề tài cấp bộ và tham gia nhiều đề tài các cấp khác. - Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình 25 bài báo ISI, 45 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín</p>	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội
7	Ngô Quốc Anh	PGS.TS	Hóa hữu cơ	<p>06 đề tài cấp bộ, 2 đề tài cấp nhà nước; 85 bài báo khoa học trong đó có 33 bài ISI; 01 bằng độc quyền sáng chế; 01 giải pháp hữu ích;</p>	Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam
8	Vũ Đức Lợi	PGS. TS	Hóa phân tích	<p>Là tác giả của 20 bài báo ISI và 80 bài báo trên tạp chí quốc gia; chủ nhiệm 02 đề tài cấp nhà nước; 06 đề tài cấp Bộ</p>	Viện Việt Hàn VKIST
9	Dương Thị Tú Anh	PGS.TS	Hóa phân tích	<p>Là tác giả và đồng tác giả 40 bài báo ISI và tạp chí quốc gia; chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ; 01 đề tài cấp cơ sở</p>	Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên
10	Nguyễn Thị Tố Loan	PGS. TS	Hóa lý	<p>- Là tác giả hoặc là đồng tác giả 07 bài báo quốc tế ISI/Scopus và 47 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín; 01 đề tài cấp đại học; 01 đề tài cấp bộ</p>	Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên
11	Vũ Thị Thu Lê	TS	Hóa hữu cơ	<p>- Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, 01 đề tài cấp tỉnh; 03 đề tài cấp cơ sở; tham gia nhiều đề tài NCKH các cấp.</p>	Trường Đại học Nông lâm - ĐHTN



				- Là tác giả hoặc là đồng tác giả 07 bài báo quốc tế ISI/Scopus và 30 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín.	
12	Lê Thế Tâm	TS	Hóa vô cơ	- Chủ nhiệm 01 đề tài cấp bộ, 01 đề tài cấp tỉnh đã nghiệm thu. - Là tác giả hoặc là đồng tác giả 20 bài báo quốc tế ISI/Scopus và 30 bài báo trên tạp chí quốc gia uy tín.	Trường Đại học Vinh
13	Phan Văn Kiệm	PGS.TS	Hóa hữu cơ	- Chủ nhiệm nhiều đề tài cấp nhà nước, Nafosted và Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam; Là tác giả của hơn 85 bài báo ISI uy tín.	Viện Hóa sinh biển
14	Nguyễn Hà Thanh	TS	Hóa hữu cơ	- Chủ nhiệm và tham gia nhiều đề tài NCKH cấp Viện, Nafosted. - Là tác giả của hơn 20 bài báo ISI uy tín.	Viện Hóa học, Viện Hàn lâm KH và CN Việt Nam

Bảng 21. Danh sách giảng viên thỉnh giảng ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay	Đơn vị công tác
1	Trần Viết Khanh	PGS.TS	Địa lý tự nhiên	- 05 đề tài - 20 bài báo	Đại học Thái Nguyên
2	Nguyễn Xuân Trường	PGS.TS	Địa lý học	- 03 đề tài - 22 bài báo	Đại học Thái Nguyên
3	Đỗ Thị Lan	PGS.TS	Sinh thái cảnh quan môi trường	- 04 đề tài - 18 bài báo	Trường Đại học Nông lâm – Đại học Thái Nguyên
4	Đào Đình Châm	PGS.TS	Địa lý tài nguyên và môi trường	- 06 đề tài - 23 bài báo	Viện Hàn lâm KH&CN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm/ Học vị	Ngành tốt nghiệp TS	Số lượng Đề tài NCKH, bài báo liên quan đến ngành từ năm 2018 đến nay	Đơn vị công tác
5	Phạm Thị Tố Oanh	PGS.TS	Địa lý tài nguyên và môi trường	- 03 đề tài - 16 bài báo	Liên minh HTXVN
6	Phan Thị Thanh Hằng	PGS.TS	Thủy văn môi trường	- 9 đề tài 10 bài báo	Viện Hàn lâm KH&CN
7	Ngô Trà Mai	PGS.TS	Địa lý tài nguyên và môi trường	- 8 đề tài 18 bài báo	Viện Hàn lâm KH&CN
8	Hoàng Lưu Thu Thủy	PGS.TS	Địa lý tài nguyên và môi trường	- 03 đề tài 15 bài báo	Viện Hàn lâm KH&CN
9	Mai Văn Trịnh	PGS.TS	Quản lý môi trường nông nghiệp	- 06 đề tài - 15 bài báo	Viện Môi trường Nông nghiệp
10	Nguyễn Viết Lương	TS	Viễn thám, GIS	- 05 đề tài - 16 bài báo	Viện Hàn lâm KH&CN
11	Nguyễn Diệu Trinh	TS	Tài nguyên nước	- 03 đề tài - 12 bài báo	Viện Hàn lâm KH&CN
12	Nguyễn Tiến Thành	PGS.TS	Quản lý TN&MT	- 04 đề tài - 20 bài báo	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

Hiện nay, khoa Công nghệ sinh học (đơn vị trực tiếp đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Hoá sinh học) đang chủ trì các đề tài hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước như Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam, Viện sức khỏe và nghiên cứu Y học quốc gia - Cộng hoà Pháp, và một số trường đại học, viện nghiên cứu lớn trong nước khác).

Khoa Toán - Tin (đơn vị trực tiếp đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Đại số & Lý thuyết số, Toán ứng dụng) luôn tiếp cận với các chương trình của Quốc gia cho sự phát triển toán học, cụ thể:

- Chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia;
- Chương trình trọng điểm Quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2020-2030;
- Một số chương trình tài trợ của hội Toán học thế giới;
- Sự hợp tác và sẵn sàng trợ giúp về học liệu, về kiến thức của các chuyên gia đầu ngành trong nước (như các GS, PGS.TS của Viện Toán học thuộc Viện Hàn Lâm khoa học Việt Nam,...) và nước ngoài.

Bảng 19. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

TT	Tên chương trình, dự án	Mã số	Chủ nhiệm chương trình, dự án	Đơn vị nhận chuyển giao
1	Computations on the manifolds of symmetric positive semi-definite matrices of fixed rank	VIASM-2020	Nguyễn Thanh Sơn	VIASM
2	Conjugate gradient methods for Riemannian Optimization on the symplectic Stiefel manifold	VIASM-2023	Nguyễn Thanh Sơn	VIASM
1	Chương trình nghiên cứu giải mã hệ gen biểu hiện liên quan tới bệnh đái tháo đường ở Việt Nam. Đề tài cấp nhà nước (2021- 2024)- Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên chủ trì, ĐH Khoa học là thành viên nghiên cứu chính.		Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên chủ trì ĐH Khoa học là thành viên nghiên cứu chính.	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên
2	Nghiên cứu các hợp chất saponin triterpenoid nhằm đích tế bào gốc ung thư dạ dày phân lập từ thảo dược Việt Nam. Đề tài Nafosted (2018 – 2022)		ĐH Khoa học	Hợp tác với Phòng thí nghiệm Inserm U1053 Viện Y học Quốc gia Pháp.
3	Nghiên cứu các marker ung thư dạ dày ứng dụng trong điều trị		ĐH Khoa học	Hợp tác với Viện Y học Quốc gia Pháp, phòng thí nghiệm Inserm U1053
	Dự án “hợp tác quốc tế về nâng cao năng lực giáo dục đại học: “Future – Oriented Chemistry-(FOREST)” giai đoạn 2021-2024.		Vương Trường Xuân	Khoa Hóa học

3.4. Kiểm định chất lượng

Nhà trường đã được công nhận là trường đạt tiêu chuẩn quốc gia trong đợt đánh giá ngoài tháng 4 năm 2017 theo bộ tiêu chuẩn đánh giá của Đại học Quốc gia Hà Nội. Hiện nay, nhà trường đang hướng tới đạt tiêu chuẩn về kiểm định chất lượng theo các bộ tiêu chuẩn quốc tế khác như AUN-QA áp dụng cho các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á.

5. Những thông tin cần thiết khác

- Thời gian đào tạo: Từ 3 – 4 năm.
- Hình thức và địa điểm đào tạo: Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy tại Trường Đại học Khoa học.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Phạm Thế Chinh*

PHỤ LỤC 1

**DỰ KIẾN ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2024
(CĂN CỨ THEO SỐ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU)**

(Kèm theo công văn số 1678 /ĐHKH-ĐT, ngày 29/12/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

TT	Ngành đào tạo	Số GV CH chức danh GS	Số GV CH chức danh PGS	Số GV CH tiến sĩ (Ko bao gồm GS, PGS)	XĐ chỉ tiêu tiến sĩ năm 2024
1	Đại số và Lý thuyết số		2	3	19
2	Toán ứng dụng		2	5	19
3	Hóa sinh học		4	5	34
4	Quang học		6	6	43
5	Hóa học		4	6	38
6	Quản lý Tài nguyên và Môi trường		3	7	30



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC**

PGS.TS Phạm Thế Chính

PHỤ LỤC 2

DỰ KIẾN ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2024
(CĂN CỨ THEO SỐ GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG)

(Kèm theo công văn số 1678 /ĐHKH-ĐT, ngày 29 / 11 / 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

TT	Ngành đào tạo	Số GV CH chức danh GS	Số GV CH chức danh PGS	Số GV CH tiến sĩ (Ko bao gồm GS, PGS)	XĐ chỉ tiêu tiến sĩ năm 2024
1	Đại số và Lý thuyết số	1	1	1	1
2	Toán ứng dụng		3	3	2
3	Hóa sinh học	2	5	2	4
4	Quang học		2	4	2
5	Hóa học	3	8	3	7
6	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	1	11	2	6



KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC
PGS.TS. Phạm Thế Chính

PHỤ LỤC 3

**DỰ KIẾN ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO TIẾN SĨ THEO NGÀNH NĂM 2024
(CĂN CỨ THEO SỐ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU, SỐ GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG)**

*(Kèm theo công văn số 1678 /ĐHKH-ĐT, ngày 29/12/2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)*

TT	Ngành đào tạo	Xác định chỉ tiêu tiến sĩ năm 2024
1	Đại số và Lý thuyết số	1
2	Toán ứng dụng	6
3	Hóa sinh học	2
4	Quang học	6
5	Hóa học	3
6	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	8
Tổng		26

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



PGS. TS. Phạm Thế Chính

